

PHẬT HỌC VĂN TẬP



Tác giả: Pháp sư Sướng Hoài
Việt dịch Thích Thắng Hoan

PHẬT HỌC VĂN TẬP

Tác giả: Pháp sư Sướng Hoài
Phụ tá Tác Giả chọn lọc
Phù Quang nhiếp ảnh
Việt dịch Thích Thắng Hoan

MỤC LỤC

Lời Tựa
Tự Tựa

I.- CHÁNH TÍN ĐÍCH THỰC LÀ PHẬT GIÁO.

1. Phật Giáo Phải Chăng là Mê Tín?
2. Tông Giáo Đồ Có Ba Phần Ngây Dại.
3. Cái Gì Là Tứ Đại Giai Không.
4. Giải Thích Sơ Lược Sáu Căn Thanh Tịnh

5. Mạn Đàm Đạo Nhẫn Nhục.
6. Chân Nghĩa Của Lễ Bái.
7. Quy Y Tam Bảo Thân Tâm An Thới.
8. Vì Người Sơ Cơ Học Phật Góp Ý Kiến.

II.- NHÂN SANH CÙNG PHẬT GIÁO.

1. Nhân Sanh Quan Của Phật Giáo.
2. Phước Huệ Cùng Nhân Sanh.
3. Phước Huệ Cùng Thiện Ác.
4. Phiền Não Cùng Thống Khổ.
5. Bàn Luận Về Khổ Cùng Không.
6. Điều Vui Không Thích Nghi Nhu Cầu Của Người Thế Gian.
7. Pháp Của Thế Gian Và Xuất Thế Gian.
8. Vũ Trụ Vạn Hữu Từ Đâu Đến.
(Còn Tiếp)

LỜI NGƯỜI DỊCH

Kính Pháp Sư Sướng Hoài, tôi tu sĩ Thích Thắng Hoan đọc qua tác phẩm **PHẬT HỌC VĂN TẬP** của ngài viết nhận thấy ngài một nhà bác học uyên thâm Phật giáo nắm vững mọi tư tưởng cao siêu của các phái, các tông giáo cả trong đạo lẫn ngoài đời. Toàn bộ tác phẩm của ngài đều xây dựng vững chắc trên lãnh vực biện chứng pháp của Nhân Minh Luận. Nội dung tác phẩm trong đó, mỗi một chủ đề ngài biện chứng bằng những lãnh vực mặt phải mặt trái, chiều sâu chiều cạn, mặt phủ định, mặt xác định, cuối cùng để làm sáng tỏ vấn đề bằng kết luận. Tôi vô cùng kính nể kiến thức của ngài.

Tôi rất tiếc nội dung tác phẩm tàng trữ những tư tưởng cao thâm như thế lại nằm yên trong thư viện Hán Học không được phổ biến sâu rộng ra tiếng ngoại quốc. Hôm nay xin ngài cho phép tôi chuyển ra tiếng nước tôi là Việt Ngữ để phổ biến. Vì mục đích hoằng pháp, phát huy quang đại tư tưởng giá trị này, việc làm này của tôi không có tánh cách buôn bán xin ngài mở rộng lòng tha thứ.

Trong tác phẩm này, chỗ nào có chữ nằm nghiêng trong dấu (...) là lời tôi giải thêm cho rõ nghĩa. Tôi dịch tác phẩm này, xin các đọc giả xét thấy có chỗ nào sai

sốt chỉ bảo cho, để tôi tu chỉnh cho hoàn bị hơn. Thành kính cảm tạ.

Ngày 28. 04. 2021

Thích Thắng Hoan

Chùa Phật Quang

Trung Tâm Phiên Dịch và Trước Tác

LỜI TỰA

Pháp sư xuất gia tuổi còn nhỏ, theo học Đại Đức Từ Châu Lão Hòa Thượng đang còn tại thế, Đại Đức là một trứ danh nổi tiếng Luật Tông của thời Trung Quốc cận đại, nhân vì Pháp sư Sướng Hoài đối với giới luật không phải thường chú trọng xuất sắc, cũng là pháp sư có cảm tưởng sau chiến tranh Hương Cảng sụp đổ phong thái giới luật Phật giáo ngày càng hưng thịnh nhờ nỗ lực dẫn đạo xương minh, việc mong cầu thiện tính nương theo pháp môn tam học giới, định, tuệ để tu trì

Pháp sư bình thời sinh hoạt, y áo sơ sài, ăn uống đạm bạc, chỗ ở đơn giản, ăn giản dị, tự mình tiết kiệm, độ người tiếp chúng, rảnh việc lễ Phật, tọa thiền, kiểm duyệt kinh tạng, nghiên cứu kinh luật, đọc tụng kinh điển, quét dọn, giặt áo, trồng hoa, nấu nướng rau cải vân vân, giờ tay động chân đều là thiền.

Cá tánh Pháp sư hoà nhã khả kính, bình dị dễ gần, bình thân lợi danh. Cổ nhân nói: ☐Chí hướng bình thân rõ ràng, yên tĩnh dẫn đến từ xa☐. Như thế, các thứ Pháp sư dùng để trọng phước, tích phước, tu phước, tạo phước, vì chúng sanh mà tạo các phước cho họ.

Thời gian bắt đầu từ năm 1975 đến năm 1995, Pháp sư ở Phật Giáo Thanh Niên Hiệp Hội đã xây dựng 72 khóa truyền thọ Tam Quy Ngũ Giới. Truyền Tam Đàn đại giới Tại Gia Bồ Tát Giới, Du Già Bồ Tát Giới cũng cố định tổ chức xây dựng, nhân vì Thiên Thai Tinh Hội đã xưng tán của Trứ Danh Giới Đàn.

Lại nữa Pháp sư cảm thấy nơi Phật học có tiến tu và tinh tọa chính là pháp môn tu hành nhưng Pháp sư phải quản lý, cho nên mỗi năm định kỳ khai mở xây dựng lớp Phật Học Sơ Cấp và lớp Tiên Tu, lớp Tĩnh Tọa, đều do Ngài đích thân trách nhiệm đạo sư, đã tạo không ít giới nhân tài cho Phật giáo.

Pháp sư từ bi thương xót chúng sanh huệ căn còn kém, cho nên bắt đầu năm 1977 diễn thuyết chuyên ngành pháp môn Tông Lăng Nghiêm. Lại nữa, lúc bấy giờ cần nên cung thỉnh lên pháp tòa giảng kinh, khai thị, nhưng không lựa hội trường, không tính nhân số, không luận tư chất, có thể độ liền độ. Không luận giảng diễn Phật pháp hoặc soạn viết văn chương Phật giáo, Pháp sư đều vào sâu ra cạn, biện tài không ngại; Pháp sư đối với học viên Phật giáo, pháp khí, quy tắc nghi lễ cũng rất tinh thông. Pháp sư đối với thiện tín sơ cơ trực tiếp hướng dẫn, thừa sức không mất, mỗi người liên tiếp vẫn không thấy mệt, ân cần khéo léo, mong mọi có thể khiến chúng sanh quy y Tam Bảo, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển. Lại nữa, Pháp sư thường lễ thỉnh cao tăng hải ngoại như Đại đức Lị Cảnh Tuyên giảng Phật pháp, công việc khiến đồ chúng có thể thành bác học đa văn, theo văn, tư, tu, đăng tiến tới Phật đạo.

Pháp sư đến năm đề xướng in sách Phật giáo nhiều cả trăm thứ, số cho là nhiều cả trăm vạn quyển. Bao gồm sáng lập xuất bản tiếng Phật bằng [Điện Âm], đều giúp các nhân sĩ mới vào Phật môn, in sản xuất để kết duyên, theo để nhận thức Phật giáo, tự tu tham khảo, khởi tin Tam Bảo, số này rất nhiều không ít. Pháp sư khéo dùng văn tự Bát Nhã rộng độ chúng sanh, Pháp sư trước tác có [Tĩnh Tọa Giảng Nghĩa] [Học Phật Văn Tập].

Chỗ thực hiện của Tổng Quan Pháp sư là phạm có người đệ tử quy y đều nhận thức Pháp sư, đều tôn vinh là đạo sư khả kính, có thể xem như từ phụ. Pháp sư thật là người dẫn đạo của triết học nhân sanh, là địa vị Tinh Tấn Lực hành Bồ Tát Đạo, có thể xưng là người khuôn mẫu của kẻ học Phật.

Năm 1995 Trương Phi La cẩn thận xếp theo thứ tự nơi Hương Giang.

TỰ TỰA

Phật pháp mầu nhiệm sâu xa, không phải dựa vào sự giải thích của các bậc hiền triết đã trải qua thời đại trước, nguyên vì lý của nó tất nhiên chìm mất không lộ diện, [Kinh Hoa Nghiêm] nói: [Dụ như bảo vật trong đêm tối, không đèn không thể thấy, Phật pháp không người nói, tuy có huệ mà không thể thấy rõ.] Cho nên

thuật lại sự tín giải của người khác cũng là một con đường hoàng pháp, tôi tự cảm thấy mình không có trí huệ thật xấu hổ tài sơ, lại chơi chữ, xếp bừa bãi vào cho đủ số, tuy có tâm phát huy, nhưng việc làm vẫn không có tinh thần phấn khởi, mỗi một niệm mặt mày mồ hôi chảy không thôi, lại còn nguyên nhân làm văn qua loa, cú pháp chưa kịp trau chuốt, chữ chưa được cân nhắc, hoặc thuật lại lời cổ đức mà giải bày cũng đã chưa hết ý, hoặc chỉ nói một phương diện mà còn sót nhiều, lẽ tất nhiên nó làm trò cười cho thiên hạ, hôm nay gom góp lại thành trang, in đóng thành sách, mục đích cùng kết thiện duyên, để được thành tựu chính nhờ nơi những người có đạo, giả sử các giới thiện tín, thưởng cho tôi bằng cách chỉ bảo thì tôi không gì hơn cảm kích vô hạn.

Mùa thu năm 1995 Sa Môn Sưông Hoài kính cẩn đề tựa nơi Tịnh Xá Thiên Đài.

I.- CHÁNH TÍN ĐÍCH THỰC LÀ PHẬT GIÁO.-

1.- Phật Giáo Phải Chẳng Là Mê Tín ?.

[Phật]hoặc [Phật Đà], tiếng Ấn Độ là Buddha, dịch âm là xuất lai (ra đời) là danh từ. Ý nghĩa của nó có ba:(1) Tự Giác, (2) Giác Tha,(3) Giác Hạnh Viên Mãn.

- (1). Tự Giác: là nói tự mình đã giác ngộ,
- (2). Giác Tha: là nói không riêng mình đã giác ngộ, lại còn dẫn dắt người khác, khiến họ giác ngộ.
- (3). Giác Hạnh Viên Mãn: là nói tự mình đã giác ngộ, lại giác ngộ cho người khác, hai thứ đức hạnh giác ngộ đây chỗ nơi hoàn toàn viên mãn không thiếu.

Phật giáo đã có lịch sử hai ngàn năm, nhưng truyền vào Trung Quốc rất muộn sau văn hóa tây dương, bị rất nhiều người nhận lầm cho là tông giáo mê tín. Chúng nó thấy tượng Phật trang điểm bằng vàng, nghe đến tiếng cá bằng cây, tiếng chuông khánh, liền nói Phật giáo thì sùng bái thần tượng. Phía bên trong, biết Phật giáo nhất sự nhất vật đều có căn cứ lý luận, chỉ là thứ lý luận đây không phải trải qua một phen nghiên cứu, cho nên không dễ rõ ràng. Tiên sanh Lương Khải Siêu nói: ☐Phật giáo là trí tín, mà không phải là mê tín.☐ Tín ngưỡng của Phật giáo là

chỉ tín ngưỡng chân lý của vũ trụ nhân sanh.

Phật đã đối với chúng ta mà nói: [Người người đều có đức tướng trí huệ của Phật, nhân vì bị dục niệm che đậy, không thể chứng đắc, cho nên bị sống lâu các khổ, không chịu theo giải thoát.] Lại nói : [Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.] [Tất cả chúng sanh xưa nay là Phật.] Chính là nói không chỉ khoảng cách giữa con người cùng con người đều bình đẳng, khoảng cách giữa Phật cùng Phật đều bình đẳng, cho đến con người cùng động vật cũng là bình đẳng. Mà lại [Là các pháp đều bình đẳng không có cao thấp.] Không chỉ hữu tình bình đẳng, tất cả tâm pháp, tất cả sắc pháp, tâm pháp cùng sắc pháp, nhân pháp cùng quả pháp, tất cả đều bình đẳng. Chúng sanh sở dĩ có tướng sai biệt, nhân vì hoàn toàn mê mất bản tánh, thật thì bản tánh mỗi mỗi vẫn bình đẳng, chưa từng cải biến. Vạn sự vạn vật đều do nhân duyên hòa hợp, hư vọng nên có sanh, nhân duyên ly biệt hư vọng gọi là diệt, bản thể của nó vốn không tự tánh. Cho nên gọi: [Duy tâm chỗ hiện, Duy thức chỗ biến].

Sao gọi là khoa học? Nói giản đơn, khoa học là học vấn phân khoa. Là đối với sự quan hệ hỗ tương của mỗi một thứ sự vật, thực hiện nghiên cứu có hệ thống, trải qua thực nghiệm, tạo thành công thức, từ công thức đưa đến kết luận, chính không phải là suy đoán chủ quan. Phương pháp nghiên cứu của khoa học, ở chỗ không ngoài hai thứ, nghiên cứu thảo luận và quy nạp. Nghiên cứu thảo luận thì từ nơi công lý đã biết, hoặc quy luật đã chứng thật, trở lại tìm cầu lý luận chưa biết. Quy nạp là từ nơi sự biến hóa của các sự vật, cầu dựng quy luật của cộng đồng tuân thủ.

Nhân minh của Phật giáo, nhận cho chân tướng của sự vật, tất phải viễn ly hai chương sở tri và phiền não, mới có thể hiển hiện. Cho nên, ba chi thức của nhân minh học cùng với tam đoạn luận pháp của khoa học, tuy nhiên thứ tự có tương phản, nhưng kết quả thì tương đồng.

*- Tam Đoạn Luận Pháp:

- [Đại Tiên Đề]
- [Tiểu Tiên Đề]
- Sau cùng được đến [Kết Luận]

*- Nhân Minh thì trước ra:

- [Tông]
- Thứ đến ra [Nhân]
- Sau cùng ra [Dụ]

*- So sánh:

- Tam Đoạn Luận Pháp: [Kết Luận], tức Nhân Minh : [Tông]
- Tiểu Tiên Đề.....: [Nhân]
- Đại Tiên Đề.....: [Dụ]

*Dụ của Nhân Minh phân làm hai thứ:..... [Đồng] và [Dị Dụ]

*So sánh Đại Tiên Đề của Chu Đáo trong Dụ dùng hai chữ [Hiện Kiến] so sánh Đại Tiên Đề cũng linh hoạt. Có thể thấy phương pháp nghiên cứu của Phật giáo sử dụng so với phương pháp của khoa học thì hoàn thiện hơn.

Lập trường của khoa học là khách quan; lập trường của Phật giáo, cũng là bài trừ [ngã chấp] của chủ quan. Khoa học thì sản vật của lý trí, phá trừ kiến chấp sai lầm đối với trên vật lý của nhân loại; Phật pháp thì thấu triệt chứng đắc của lý trí, phá trừ mê chấp trên tâm lý của nhân loại. Đối tượng nghiên cứu của nhà khoa học là sự cấu tạo của vật chất, sự biến hóa của vật chất, và trong sự biến hóa đó chỗ phát sanh các thứ số lượng quan hệ, đây chỉ mới nghiên cứu đến ๒Bách Pháp Minh Môn Luận๓ chỗ trình bày [sắc], [thời], [phương] và [thứ đệ] vân vân mấy thứ trong Bất Tương Ứng Hành Pháp, đồng thời chưa nghiên cứu đến tâm pháp là [tâm vương] và [tâm sở] vân vân. So sánh sắc pháp cùng tâm pháp, không linh động bỏ sót sắc pháp so sánh tâm pháp, tâm pháp so sánh sắc pháp thì linh hoạt hơn.

Thế kỷ gần đây, khoa học đối với nhận thức vũ trụ của phương diện thật tướng, phát hiện trọng đại không nghi là có tột cùng, đối với sự cấu thành của vũ trụ, cũng lại có nhận thức cụ thể. Nhưng sự phát triển của khoa học, không chỉ không đủ để luận lý phủ định Phật giáo, mà lại còn giúp đỡ Phật giáo luận lý tiến hành chứng minh có năng lực. Hơn hai ngàn năm trước, trong Kinh Phật có dùng [Hạt cải kết nạp núi Tu Di], lại thuyết minh một thứ lực lượng, khi thứ lực lượng này thu hẹp nhỏ lại có thể chứa trong hạt cải, khi phát ra có thể vượt qua núi Tu Di lớn. Sự phân tích nguyên tử của khoa học cận đại, vật chất quá cực nhỏ, có thể thành lực

lượng quá cực lớn, đây không phải là so sánh với Phật giáo luận lý giống nhau hay sao?

Sự phát triển của khoa học, không ngại đã rung động lay chuyển hoàn toàn luận lý của một số tông giáo nọ, lung lay một số tín ngưỡng của con người kia, hoàn toàn mất tinh thần đã gởi gắm mình trên thần quyền, đã tạo thành tinh thần hoàn toàn trống rỗng trên thần quyền. Nhưng đối với Phật giáo, khoa học càng phát triển rực rỡ thì giáo nghĩa của Phật giáo lại càng phát cao ánh sáng to lớn. Phật giáo không những không giống lý luận như các tông giáo khác, không trải qua sự khảo nghiệm của khoa học, mà phản nhau với khoa học, khoa học đã vì Phật giáo lý luận, thực hiện chú giải hoàn toàn có lực, chứng minh Phật giáo vĩ đại. Năm gần đây trong Phật giáo đồ của Trung Quốc, lại có không ít nhà khoa học trứ danh. Đối với khoa học, họ tạo trình độ kỹ thuật càng thâm sâu, cho nên họ càng có thể giải thích trong kinh Phật mà trước nay không thể giải thích hoặc nghĩa lý không dễ giải thích, Cho nên Phật giáo có thể nói là trí huệ của nhân loại, là tượng trưng của ánh sáng, ở ngày nay là thời đại khoa học phát triển rực rỡ, nó hoàn toàn chiếu phá ngu si mê ám của thế giới, giải trừ hoàn toàn mê chấp của nhân loại, khiến trí huệ của nhân loại, đạt đến chỗ phát triển cảnh giới không ngừng.

Bác sĩ Bảo La nước Anh nói: [Phật giáo là cứu tinh của nhân loại ngày nay, gần đây trên thế giới người nghiên cứu Phật giáo mỗi ngày lần lần càng tăng nhiều, thật tế nguyên nhân Phật giáo xuất hiện cao thâm hơn tất cả tông giáo. Khoa học vươn lên có sở trường tiến bộ, chỗ phát minh của nó, cũng chỉ và ẩn chứng sự hỗ trợ của Phật pháp. Mà Phật pháp chỗ rất tinh thâm, chỗ rất vĩ đại, thì không phải học thuật hiện đại của các tông giáo khác có thể mong đuổi kịp.] Tiên sanh Tôn Trung Sơn cũng nói: [Phật giáo chính là lòng thương yêu của cứu thế, Phật giáo chính là mẹ của triết học. Tông giáo thì tạo thành dân tộc và giữ gìn dân tộc, một thứ lực lượng tự nhiên rất to lớn, nhân dân không thể không có tư tưởng của tông giáo. Nghiên cứu Phật học, riêng có thể bổ khuyết cho khoa học.] Nguyễn các nhân sĩ trong xã hội, đoạn trừ nghi hoặc sanh tín tâm, y giáo phụng hành.

2.- Tông Giáo Đồ Có Ba Phần Ngây Dại.

Nhiều năm về trước tôi có đọc qua một bản trước tác, hiện tại đã trải qua nhiều năm quên ghi tên của quyển sách, chỉ ghi được trong đó có một câu nói: [Phàm

người có Tông giáo tín ngưỡng, đều có ba phần ngây dại.] Nếu như vị trí của tác giả đây đối với nhân sĩ của tông giáo có ba phần ngây dại, chưa thấu suốt đầu đuôi mà đi phê phán, đó chính là có vấn đề. Phàm phê bình một sự một vật, đầu tiên cần phải minh bạch đầu đuôi của sự kiện đây và sau đó xét kỹ đúng sự thật, rồi mới phê phán, như thế mới là thích hợp, bằng không, nên dùng lập trường của Môn Ngoại Hán, để khỏi mang tiếng múa rìu qua mắt thợ.

Nương nơi trên mà nói câu đây, chứng tỏ tác giả đối với giáo nghĩa của Phật giáo và sự sinh hoạt hành trì thường ngày của Phật giáo đồ, nhất nhất không chú thiếu biết, mà tin nơi cái miệng lại phát ngôn cho chúng nó đều có ba phần ngây dại, đâu không phải không thỏa đáng rất lớn hay sao? Tác giả có thể thấy đến rất nhiều nhân sĩ tông giáo cùng thế gian không tranh luận, nơi người đời không mong cầu, đối với vinh nhục đặng mất tâm không bị trói buộc, đã không vừa lòng cho là phàm người tín ngưỡng tông giáo, nhất định đều mê muội hão huyền, thất vọng chán chường, chất phát vô tình, sinh hoạt quá cố chấp tiêu cực, thứ quan niệm đây mười phần sai trái hết mười. Phải biết người có tín ngưỡng tông giáo và người không có tín ngưỡng tông giáo, tánh chất sinh hoạt cùng quan điểm đều có chỗ không giống nhau, người trước thì chú trọng xem sự tu trì trên linh tánh là tu tâm dưỡng tánh, nhưng người sau thì đại đa số chỉ tìm cầu hưởng thụ trên vật chất làm mục đích.

Người đời nguyên nhân nam thì kết hôn, nữ thì lấy chồng, sanh con trai, đẻ con gái, gia đình gánh vác hệ trọng, không đặng không vì duy trì sanh kế mà chạy trốn. Nếu như y phục lương thực trụ lại sự lưu hành chưa đạt lý tưởng, rồi lại nhờ Hội Xương Hiểm đi tạo một số sự việc hại người lợi mình, một sớm được an cư lạc nghiệp, lại tưởng đến cầu danh, nói chung chính là mãi mãi không dừng nghỉ cứ đi tranh danh trục lợi. Có lúc làm người thủ lãnh, vẫn còn quản lý thường đê thấp người khác, khoe khoang khắp nơi, tự mình dương oai, suốt ngày cái ngã càng dài, nhà người ta càng ngắn, tranh cường háo thắng. Bất ngờ công thành danh toại, lại ý đặng dồi dào, tự cao tự đại, mắt không tắt cả, Cho đến quan niệm đạo đức Tông giáo, chân lý vũ trụ nhân sanh, đều cho là đồng nhau hý luận. Phật giáo gọi là [Phú quý tu đạo khó.] tức là lý đây vậy.

Lại nữa, hoặc nếu có chỗ mất việc làm, hoặc gia đình nghèo lại có thân nhân già cả, liền hiểu được nẻo trước mặt mù, mất hết tinh thần, tự cảm thấy thấp hèn

nhỏ bé, lời nói chấp nhận chất phác, đây là mới ngộ nhân sanh thống khổ, phải cầu sự trợ giúp nơi Tông giáo. Tục ngữ có câu: [Gặp lúc cấp bách mới ôm chân Phật]. Trong như loại đây chỉ ngoảnh mắt trước quang cảnh, người không có lo xa, người như thế có thể thương xót.

Nếu gặp phải sanh con trai để con gái, con gái thuận tiện nấu nướng nhưng khó giết con vịt con gà, thân bằng đầy nhà, chúc mừng long trọng, dùng tàn sát thân mạng động vật khiến đầy đủ vui vẻ cá nhân, như thế đâu phải sự việc công bằng? Phật giáo gọi là: [Kẻ hại người thì hại mình, lợi người thì lợi mình.] Nếu khiến chúng sanh đoản mạng, nay lại mong cầu mình được trường mạng, không những cầu không thể được, ngược lại, tất nhiên tự mình sẽ gặp tai ương.

Người ta một sớm sanh ly tử biệt thì kêu trời giậm đất, sớm tối buồn thương, quên ăn bỏ ngủ, thậm chí hoặc bị thương thành bệnh tật, tuy nhiên như thế lại có giúp ích được gì? Người đời ai cũng không khỏi phải chạy trên con đường này, chỉ tranh nhau đến sớm cùng đến chậm mà thôi. Cổ đức Trang Tử để tang vợ, đánh trống mà ca. Người khác nói [Phàm người chết, nhất định phải buồn thương, ta cũng là người, sao không khổ tâm, do vì ta đã sáng tỏ con người do khí mà sanh, người chết sẽ trở về nơi khí, nhân đây ta chẳng buồn thương.] Do đây có thể biết con người sáng tỏ chân lý nhân sanh là cũng giống như chỗ cảm thọ của con người có chỗ không giống nhau.

Giáo đồ có tín ngưỡng thì không nổi trôi theo thế tục, chúng nó sẽ nương theo tinh thần nơi tín ngưỡng của Tông giáo, hoàn toàn loại bỏ thế tục ra ngoài, lại không dứt chỗ trên tu trì dưới công phu, từng bước dần dần trừ bỏ thất tình lục dục, cho nên người đời đối với tri thức thế gian nhanh trí cho là quý, mà đối với Phật giáo đờn hững mầu nhiệm của phàm tình thế gian đều cho là mơ hồ. Nơi chỗ đây, tác giả nói [Nhân sĩ Tông giáo có ba điều ngậy đại]. Trên sự thật, chỉ có ba phần thì lại không thể với tới được, có thể có bảy phần thì mới gần đạo, nếu cần tương hợp thâm sâu mục đích của Phật, lại đâu cần thật hành đủ bảy phần này? Thật ra, phiền não cùng khổ đau của con người mỗi khi phát khởi nguyên nhân liền tự cho là đủ trí để biện minh. Tục ngữ nói: [Chính không phải là mở miệng nhiều, phiền não nhân đây xuất đầu rất mạnh.] Mà lại tất cả vạn sự vạn vật trong thế gian, không một thứ nào không phải là huyền vọng tạo thành, lại đâu nhất định chấp cho là thật có, đâu nhất định sanh ra phân biệt?

Giáo nghĩa của tất cả Tông giáo cứu cánh như thế nào? Nếu nghiên cứu nghĩa sâu xa của nó, các nhà quan tâm để xu hướng thì không giống nhau. Nhưng nhìn nông cạn mà nói, vẫn khác đường nhưng cùng về một chỗ, tức là điều thiện vui tốt cùng. Thí dụ như, Nho giáo thì có [Khắc kỷ phục lễ](Kiềm chế lòng ham muốn của mình để khôi phục lại lễ nghĩa). Đạo giáo thì có [Ninh tĩnh đạm bạc]Yên tĩnh đơn sơ), Phật giáo thì có [Ngũ giới thập thiện], Cơ Đốc giáo thì có [Ngũ giới], những đây đều là dạy người [Các điều ác chớ làm, các điều thiện vâng làm]. Người có tín ngưỡng Tông giáo nên cần phải quay về giáo nghĩa của nó mà nói nên khởi hành. Chỗ gọi [Không vì tự thân cầu an lạc, chỉ nguyện chúng sanh được lìa khổ]. Có thể nguyện vọng đây mới là một tín đồ chân chánh. Nhân đây người sử dụng làm ngược lại, ta ưng thuận thọ nhận, nghe bị giết mà không tức giận; người sử dụng làm thuận theo, ta sử dụng thừa nhận, nghe khen tặng mà không vui mừng, tuyệt đối không cùng người tranh cãi luận ngán.

☞Kinh Hoa Nghiêm☞ nói: [Trên mặt không sân là cúng dường đầy đủ, trong miệng không sân là nhả mùi hương màu nhiệm, trong tâm không giận là trân bảo, không dơ không nhiễm là chân thường.] Là cái gì gặp mẫu mực của nó phải đi làm? Nguyên vì nhân sanh sự vật đều hư vọng không thật. Chỗ gọi là [Đây có nên kia có, đây không nên kia không, đây sanh nên kia sanh, đây diệt nên kia diệt], nay tụ mai tán, bãi bể ruộng dâu, vô thường biến hoá, sát na không dừng, không trụ thì lại không. Như người đến sau, do tuổi nhỏ đến trai tráng, do trai tráng đến tuổi già, do tuổi già cho đến chết; vũ trụ vạn hữu, từ sanh cho đến trụ, do hoại cho đến diệt, không một ai chẳng phải là từ nơi không sanh ra có, từ nơi có lại trở về không, trước là không của chưa sanh, sau cũng là không của đương diệt, nơi trung gian của nó nào từng có vật? Nhân sanh trong thế gian số chớ đầy đủ tuổi thọ nếu so sánh cùng ngày tháng thì không khác gì con thiêu thân? Lớn như vũ trụ, chứa đựng phẩm vật, so nhau cùng con người, nó khác nào nhỏ bé! Thế mà con người suốt ngày sáng sớm cứ mãi tranh danh, nơi chợ buôn bán thì cũng tranh lợi, còn người trí thì chỗ đó không chọn lấy. Cổ đức nói: [Phú quý của nhân gian cũng như sương trên hoa, công danh của thế gian cũng như bong bóng trên nước.] Nhân đây nhà Tông giáo không có nắm bắt vinh nhục đặt mắt bỏ mặc nơi trong con mắt, đây không phải ngu si ngây dại không biết, đây chính là [Đại trí không ngu] cùng [Đại biện tài không nói] mà thôi.

Phật giáo đồ đều không cho địa vị cao, đa tài mà lại tự cho mình là nhất đời, rồi kêu ngạo, xem thường tất cả. Nếu gặp phải thất nghiệp, cũng chẳng biết ưu sầu bi thương, rồi lại đấm ngực giậm chân, tự thẹn mình như bản. Cổ nhân đề cử Hòa Thượng là vì [Trên cùng Đế Vương đồng ngôi, dưới cùng kẻ ăn xin đồng đi.] Đây là nói, mặc dù trên cùng Đế Vương đồng ngôi không cho là vinh, mặc dù dưới cùng kẻ ăn xin đồng đi không cho là nhục, đây là sự việc ngàn chân vạn thật. Nay ta trong nước tuy nhiên chẳng dễ thấy nhiều, chỉ ở Tích Lan Thái Quốc, đều là Phật Giáo Quốc Gia, vẫn có thể thấy đến.

Nếu luận vinh nhục đặng mắt xoay vần, phàm có chỗ được, tất nhiên có chỗ mất, có chỗ nào được trực tiếp có thể mừng mà cũng có thể buồn chẳng? Tất cả thế gian đều là pháp nhân duyên sanh, không luận họ hàng bằng hữu, gia đình thân thuộc, nhân duyên tụ họp thì có tụ hội, nhân duyên biệt ly thì kia đây phân tán. Nhân sanh như ở trên sân khấu, có đóng vai cha mẹ, có đóng vai con gái, dưới đài ở phía sau, có cha mẹ không có cha mẹ, có con gái không có con gái, khác tất cả, không một ai không phải là chỗ gặp nhau mua vui.

Lại nữa kẻ sống lâu bằng trời rồi cuối cùng cũng thông, hoàn toàn là do nghiệp lực nhân quả chi phối, trước kia dùng thứ nhân gì thì hiện nay kết thành quả đó. Tục ngữ nói : [Thiện có thiện báo, ác có ác báo, nếu như chưa báo, rồi sẽ đến báo.] Nếu như trước đã gieo nhân thuộc giống nhiều bệnh đoản mạng, nay sanh lại cần yếu tướng phòng bệnh được sống lâu, tuyệt đối không có lý này. Hiện nay muốn phước thọ lâu dài, liền khiến gieo xuống giống nhân của giới sát và phóng sanh, nhưng cần yếu phải chờ đợi duyên chín mùi mới đặng quả trường thọ. Thành công hay thất bại của con người, tuyệt đối không phải chỗ của trời ban xuống, tất cả chính do con người tự làm tự chịu. Nho gia chỗ nói: [Trời làm tội ác còn có thể tránh; tự làm tội ác không thể sống], cũng thuộc ý đây.

Cho nên nhân sĩ Phật giáo chúng ta nên mừng không nên kiêu, gặp đau khổ không nên bi ai. Cổ đức nói: [Không mừng cũng không lo, tùy duyên vượt qua xuân thu]. Thứ cảm thọ đây, đều không phải giống như có thể lãnh hội.

Đạo Đức Kinh nói: [Kẻ sĩ bậc thượng nghe đạo, chuyên cần thi hành, kẻ sĩ bậc trung nghe đạo, nửa còn nửa quên, kẻ sĩ bậc hạ nghe đạo, cười to, không cười không đủ cho là đạo.] Do đây có thể biết. Con người chọn ngày luôn luôn tìm cầu

trên vật chất, mục đích nhân sĩ Tông giáo sao có thể biết đạo ung dung ngoài vật chất, mà không khỏi hiểu đặng bọn họ có ba phần ngây dại!

3.- Cái Gì Là Tứ Đại Giai Không.-

Tôi sẽ tin rất nhiều người đối với [Tứ đại giai không] danh từ đây đều được nghe qua, rất tiếc có thể ít người không thể hiểu rõ hàm nghĩa chân chánh của vấn đề này. Tức là khiến phần tử trí thức, nếu như chưa từng nghiên cứu qua Phật học, cũng có thể chưa rành mạch mà đùa nghịch nói nghe đồn dọc đường, hùa theo phụ họa râu ông nọ cắm cằm bà kia. Nếu như khi có người hỏi tứ đại là gì đều cho là không? Không mượn chỗ suy nghĩ lại có thể nói: [Tứ đại đều không tức là tài sắc tử khí đều không cần đến.] Lại cho người đặc biệt kia giải thích đạo lý trong đây, đó thật là râu ông nọ cắm cằm bà kia, trộn giả loạn chân, sai lầm rất lớn.

Chỗ gọi Tứ Đại của Phật giáo tức là: (1) Địa Đại, (2) Thủy Đại, (3) Hỏa Đại, (4) Phong Đại. Chỗ gọi Đại này, thân thể bên trong, vạn hữu vũ trụ bên ngoài không có giống nhau không là Tứ Đại tổ hợp tạo thành. Thí dụ như Địa Đại, tánh của nó cứng rắn, có thể chống đỡ duy trì vạn vật; Thủy Đại, tánh của nó ẩm ướt, có thể bổ dưỡng vạn vật; Hỏa Đại, tánh của nó nhiệt độ ấm áp, có thể điều hòa quen thuộc vạn vật; Phong Đại, tánh của nó lưu động, có thể sanh trưởng vạn vật. Mà lại Tứ Đại này có loại khi tạo vạn vật tất nhiên cần thành phần nhu yếu thích nghi vạn vật thì mới có thể sanh trưởng, nếu như lửa tăng thanh hoặc nước thối lui giảm dần, chia đều sự trái ngược thăng bằng, mà vạn vật lại không thể tự nhiên trưởng thành. Nhân vì Tứ Đại là loại làm căn nguyên của vạn vật sanh trưởng, cho nên gọi là [Đại].

Giai Không đây là nói [Ngã] là loại ở trung gian của Tứ Đại, chính không có tên của nó, mà nó cũng không có thật thể, cũng có thể cho Tứ Đại là thứ không phải [Ngã] và [Ngã] cũng không phải là thứ Tứ Đại. Nhân vì thân thể này là do Tứ Đại tổ hợp thành hình, giả sử đem thứ Tứ Đại này mỗi mỗi phân tán, thì cái [Ngã] chính hoàn toàn không có pháp tồn tại. Thí dụ như, tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân cốt, là thuộc Địa Đại; nước mắt nước mũi, máu mủ, đại, tiểu tiện lợi, là thuộc Thủy Đại; nhiệt độ ấm áp khô ráo, là thuộc Hỏa Đại; hô hấp động chuyển, là thuộc Phong Đại. Thử so sánh, đem Tứ Đại phân tích, nếu như Địa Đại là [Ngã], đó chính là cần phải dùng bùn đất làm [Ngã], nhân vì sau khi chết mai táng, da thịt

gân cốt, toàn bộ biến thành bùn đất; giả sử nếu như Thủy Đại là [Ngã], đó chính là cần phải dùng nước biển làm [Ngã], nhân vì nước dãi máu mủ ở trong thân, toàn bộ thuộc nơi phần nước; giả sử nếu như Hỏa Đại là [Ngã], đó chính là cần phải dùng lò lửa làm [Ngã], nhân vì ấm áp khô ráo trong thân, toàn bộ thuộc nơi hơi ấm; giả sử nếu như Phong Đại là [Ngã] đó chính là cần phải dùng không khí lưu thông làm [Ngã], nhân vì hô hấp chuyển động, chia đều thuộc nơi sự hoạt động của Phong Đại lưu chuyển. Thử hỏi bùn đất, nước biển, lò lửa cùng không khí, có phải là không phải [Ngã]? Đã vậy nếu là không phải [Ngã] thì đất, nước, lửa, gió, của nội thân sao lại không phải là [Ngã]? Nhân vì thứ Tứ Đại bên trong cùng loại Tứ Đại bên ngoài chia đều là đạo lý giống nhau, nếu như thứ Tứ Đại bên ngoài không có [Ngã], thì thứ Tứ Đại bên trong đương nhiên cũng không có [Ngã], cho nên nói Tứ Đại Giai Không.

Xin đề cử trở lại lần nữa, đem một gốc cây làm thí dụ, sự sanh trưởng của cây, sự việc trước hết cần có đất bùn, lại thêm vào nước làm tươi tốt, có thể là, nếu không có ánh sáng mặt trời để hấp thụ và phát triển cùng Phong Đại để lưu thông thì gốc cây đây cũng là không có pháp để sanh trưởng, mà lại cần yếu Tứ Đại để điều chỉnh cho thích đáng thì mầm của gốc cây đây mới có thể sanh trưởng, mầm cây đây phải trải qua thời gian nếu liên quan đến ngày giờ rồi sau đó mặc dù đã lớn lên trở thành đại thọ, chỉ cần yếu truy cứu đến bản thân của cây thì cũng không có tên của nó, vì tên của nó không có thật thể. Nhân vì da và thân của cây, gốc cây, nhánh, lá, đều thuộc về Địa Đại; chất lưu nhuận của cây là thuộc về Thủy Đại; khí ấm của cây là thuộc về Hỏa Đại; vận hành của cây là thuộc về Phong Đại. Nếu như đem đất, nước, lửa, gió, trên cái cây mỗi mỗi phân tích ra, lại đem chúng nó quy nạp nơi ngoài thứ Tứ Đại, thử hỏi bản thân của cây ở chỗ nào? Đương thể tức là hoàn toàn bất khả đắc (Không thể tìm được), cho nên bản thân của cây cũng là không có [Ngã]. Từ loại đây suy ra, vũ trụ vạn hữu đều là giả danh, mà không có thật thể, nhân vì nơi trong thân cùng trên ngoại cảnh, hoàn toàn trừ ngoài đất, nước, lửa, gió, ra lại không có vật riêng biệt, cho nên nói thân thể cùng thế giới, chia đều ra giống như hoa trong gương, mặt trăng trong nước, đều không, hoàn toàn không chỗ có.

Người đời không biết đến, nhân vì Phật giáo giảng Tứ Đại đều không mà hiểu lầm cái gì đều không có. Phật giáo chỗ gọi đều không đây, chính là không vì nó thuộc hư vọng, đều không phải là không chính là chân tâm của nó, nhân vì vạn vật

trong thiên hạ, hoàn toàn là do Tứ Đại giả hợp thành hình, nếu cần tìm cầu thật thể, rốt ráo là không đều không chỗ có, cho nên nói nó là không là vọng. Đúng là chỗ tương phản, ta có thể tìm cầu cùng có thể thấy nghe của tánh tri giác, nó chính là không không thể hiểu được, mà lại từ xưa đến nay nó không biến cùng sống lâu đồng với thái hư, phàm phu chỉ nhận giả tướng ngoài tâm, không nhận chân ngã trong tâm, mê mình cho là vật, nhận vật cho là mình, cho nên vạn vật có sanh thì ta cũng sanh theo, vạn vật có chết thì ta cũng chết theo. Nếu có thể ánh sáng chiếu dội trở lại, nhận thức chân ngã, không mê giả tướng, tự nhiên có thể đủ thấu hoạch được chân tâm thường trụ, vĩnh viễn không bị sanh tử luân hồi, đặng đại giải thoát!

4.- Giải Thích Sơ Lược Sáu Căn Thanh Tịnh.

[Sáu căn thanh tịnh], đây là danh từ, đại gia sẽ tin là đều do lỗi lai mới có thể hiểu rõ tường tận, lại càng hoặc gặp thời thêm dẫn dụng. Nhưng mà đối với ý nghĩa chân chánh của nó, có thể đủ hiểu rõ rành mạch, lo sợ không nhiều.

Cái gì là sáu căn? Nhà Phật lại cho là do nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sáu thứ có nhiệm vụ là sáu căn, dùng căn đều có thể sanh trưởng tác dụng. Một số nhiệm vụ đây trải qua thường nương nơi sáu thứ đối tượng của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, gọi là sáu trần, nơi trong sanh ra sáu thức của thấy, nghe, ngửi, nếm, hiểu biết và nhận thức, nhà Phật gọi là 18 giới.

Phật học nói căn là nghĩa khả năng sanh khởi, nhãn căn khi đối với sắc cảnh, tức thì khả năng sanh khởi nhận thức của nhãn, cho đến ý căn khi đối với pháp cảnh tức thì sanh khởi nhận thức của ý, như có thứ căn của thực vật thì khả năng sanh mầm non, thân cây, chi nhánh cây, cho nên gọi là căn. Căn cùng cảnh chia đều là [Nhân duyên hòa hợp, hư vọng có sanh, nhân duyên biệt ly, hư vọng gọi diệt]. Dụ như hoa trong gương, mặt trăng trong nước. Phàm phu không ngộ lý này, nơi căn trên cảnh, hư vọng tạo nghiệp, hư vọng thọ khổ, ba độc, tham, sân, si, bùng phát, các thứ vọng niệm phẩn khởi, nguyên nhân từ vô thủy đến nay, chìm vào biển khổ sanh tử, không có kỳ ra khỏi. Càng quá đáng, thanh niên nam nữ thời nay tự mình tạo lấy thông minh, nhận làm vật chất cùng hưởng lạc là thứ nhất, dùng tha hồ buông lung giải lằm cho là tự do, nơi đó hô cao cho là bình đẳng, hình thành cha không ra cha, con không ra con, phóng túng tha hồ hưởng lạc, biến đây thành xã hội như thế nào, chính cùng cầm thú nào khác!

Sáu căn thanh tịnh cùng với năm giác quan của nhục thể có khác, năm giác quan nối kết tâm ý dựa vào nó để sanh hoạt. Do đây chúng ta từ trước đến nay nơi đời cũng vì nó theo nhiều sanh ra nhiều, tức vô minh là chỗ ô nhiễm, cho nên từ nhỏ đến lớn, cứ chạy theo sự vật bên ngoài, mà tự mình thì không chút giác ngộ.

Sáu căn không thể thanh tịnh là do nơi chúng ta đầu tiên khởi lên một niệm bất giác, gây tạo vô minh vọng động và nhân vì vô minh vọng động đem che lấp chân tâm vốn sẵn có, chạy trốn theo sắc, nhận vọng cho là chân. [Kinh Viên Giác] nói rằng: [Vọng nhận tứ đại làm thân tướng của mình, sáu trần duyên ảnh làm tâm tướng của mình.] Liền đem chân ngã bỏ mất, riêng nhận thân tâm hư vọng làm ngã. [Kinh Lăng Nghiêm] nói rằng: [Duy nhất chọn mê làm tâm, bên trong quyết định chọn hoặc làm sắc thân, không biết sắc thân bên ngoài và sơn hà đại địa, đều là vật trong chân tâm diệu minh, thí dụ như nước lã trong, trăm ngàn đại hải bỏ đi, chỉ chọn một bọt nước nổi trên làm thể.], đây là nói, tâm lượng của con người lớn như hư không, thân thông diệu dụng, rộng lớn vô biên, nhưng vì tâm người mê muội mà không tự biết.

Nhưng giống như con người mỗi mỗi chấp mê không ngộ, quay lưng lại giác ngộ, hợp chung lại với bụi trần, do tự tâm nắm lấy tự tâm, không phải giả trở thành pháp giả. Nơi con mắt chỉ có thể thấy sắc, nơi lỗ tai chỉ có thể nghe tiếng, nơi lỗ mũi chỉ có thể ngửi mùi hương, nơi thân chỉ có thể giác xúc, nơi ý chỉ có thể biết pháp, cho nên, trong sáu căn nơi trên vận dụng không thể vượt thoát ra ngoài phạm vi sáu trần; tại trong pháp bình đẳng, sanh khởi tướng mình và người; ở nơi trong không có đồng và khác, do đốt cháy trở thành hoàn toàn có khác. Khi đương gặp thiện duyên tiếp làm việc thiện, nhưng nếu gặp ác duyên lại không tránh khỏi làm việc ác, tất cả chúng sanh, từ vô thủy đến nay, thiện tăng trưởng thì ác tiêu tan, thiện tiêu tan thì ác tăng trưởng, thiên đường địa ngục, địa ngục thiên đường, sanh sanh tử tử, trầm luân khổ hải, không có giờ ra khỏi.

Ta là phàm phu ngu si cùng sanh cùng đến để làm ít tâm thiện, làm nhiều tâm ác. Duy Thức gia nói, tâm sở thiện của con người chỉ có 11 loại, tâm sở ác vẫn chiếm 26 loại. Giả sử nếu người tôi không giả mạo mình lại công phu tu dưỡng của lễ nghĩa, lại ngăn cấm dục vọng cá nhân của chính mình, nhưng ở đây không phải vậy, tôi lại dựa vào tâm tôi, buông lung không hạn chế, vậy thuận tiện có thể tạo

thành trời nghiêng đất ngã, tình hình của con người và thú vật khó phân biệt. Tâm tạo ác mỗi ngày chạy theo ác càng xấu, tam độc tham, sân, si, khó khắc chế, là do càng cầu tự do, tức là càng làm cho ba độc có cơ hội tăng lên, đâu chẳng phải cùng tự do quay lòng lại với đạo mà đi nhanh? Giả sử thật ra có thể đạt đến sáu căn thanh tịnh, sáu căn khi đối với sáu cảnh, liền không trở lại sanh khởi phiền não mê hoặc của tham sân si, mà lại có thể biết hai thứ căn cảnh, không phải không - không phải có, khác nào hoa trong gương trắng dưới nước. Có chỗ gọi: [Không vào sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp.], xem mà không tham sắc của nó, nghe mà không tham tiếng của nó, ngửi mà không tham hương của nó, thưởng thức mà không tham vị của nó. Đại đức Thiên Tông nói: [Trợn ngày ăn cơm mà chưa nhai một miếng gạo, trợn ngày mặc áo mà chưa cột một sợi giây]. Từ đây đi ngủ mà chưa lên giường, chạy bộ mà chưa đạp đất, bên trong không thấy thân tâm, bên ngoài không thấy thế giới. Nếu từ tâm nguyên mà luận làm gì có phần nhiễm tịnh? Nói sáu căn thanh tịnh đây, chẳng qua là đối với phàm phu ngu si mà nói bãi miễn. Lục Tổ nói:

[Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhá trần ai] (Xưa nay không một vật, làm gì chuốc lấy bụi trần.). Đến đây mới có thể chân chánh đạt đến tự do cùng bình đẳng cho nhân loại, độc lập cùng đại vô úy, vạn vật cùng ta là bạn bè, chôn ra ngoài nhà tù tam giới, đặng đại tự tại vậy!

Đức Phật xuất hiện ở đời, nói pháp 49 năm, chỉ có mục đích là khiến người đời hiểu rõ tất cả đều là hư huyễn, bao gồm chỉ đạo người đời như thế nào mới có thể quay lưng lại bụi trần, hợp nhất giác ngộ, lật lại nguồn gốc trở về chân nguyên, nếu người không chấp thân tâm cho là thật có, hiểu thấu thân tâm là như huyễn, sáu căn phản chiếu tự tánh, không theo sáu trần chỗ phát khởi tri kiến, tu tập lâu ngày, tự có thể căn trần nung chảy tiêu tan, có thể cả hai đều mất, ba độc tham sân si tiêu trừ, sáu căn cũng đồng thời thanh tịnh. Kinh nói: [Một căn đã trở lại nguồn gốc thì sáu căn trở thành giải thoát.] Quả có thể theo chỉ thị của Phật, nương theo thứ tự tu hành, tất nhiên nhất định có thể thành công.

Tu đặng sáu căn thanh tịnh, cứu cánh có chỗ tốt nào? Đáp án là [Vượt ra khỏi tam giới, hoàn toàn giải thoát sanh tử]. Chính là hiện tại, thân của cha mẹ sanh ra, cũng có thể thấu hoạch được vô lượng diệu dụng. Như con mắt có thể thấy núi rừng sông biển của trăm ngàn thế giới, trên đến thiên đường, dưới đến địa ngục,

thiện ác nhân duyên của tất cả chúng sanh và chỗ sanh quả báo, ai cũng đều thấy rõ thần không thể thấy; nhĩ cũng có thể nghe xa tất cả tiếng trong và ngoài của trăm ngàn thế giới; mà tử có thể ngửi tất cả hương; mà thiệt thường ăn uống đến của trăm ngàn thế giới; cho đến chua, ngọt, đắng, cay, tất cả vị đều biến thành thượng vị; thân như tịnh lưu ly, nội ngoại đều sáng thấu triệt. Trăm ngàn thế giới chúng sanh khi sống khi chết, hoặc sanh chỗ thiện chỗ ác, chư Phật chư Bồ Tát độ thuyết pháp độ chúng sanh, vô lượng người trời đi nhiễu chung quanh nghe pháp vân vân, không một không có thể nơi trong tự thân thấy các sắc tượng. Mà tâm niệm ý hướng của tất cả thế giới chúng sanh, cho đến tất cả tâm niệm chân và ngụy, cũng đồng thời nhất định hiểu biết, không có sai lầm.

Sau khi tu được cảnh giới [sáu căn thanh tịnh], tuy nhiên chưa đặng vô lậu giải thoát, nhưng đã hoàn toàn đạt đến thật tánh các pháp, nơi tất cả pháp không nhiễm trước, sáu căn đều có thể vận dụng lẫn nhau, nhãn có thể nghe tiếng, nhĩ có thể thấy sắc, lẫn nhau không ngăn ngại nhau. Thời đây có giống như gương đại quang minh, treo cao trên không, không chỗ nào không chiếu đến, không chỗ nào không hiện ra, khởi tâm động niệm, chỉ một viên minh, kinh Phật gọi là [Trí vô phân biệt], tức là nghĩa đây.

Lý của Phật cùng tri kiến của phàm phu, tự nhiên có chỗ khoảng cách, chúng ta thử tưởng đến hiện thời chỗ dùng điện thị (điện chiếu hình) cùng điện thoại, đều có các thứ điều kiện cùng dụng cụ thiết bị, mới có thể thấy nghe, riêng ở đây chúng ta chỉ tu đạo mà thâm hoạch được sau khi thắng cảnh của [sáu căn thanh tịnh], từ chối không cần các thứ điều kiện dụng cụ trang bị, tức là có thể nhìn thấu vạn sự vạn vật. Đương nhiên, cần phải đạt đến thắng cảnh sáu căn thanh tịnh, cũng tuyệt đối không phải sự việc dễ dàng!

5.- Mạn Đàm Đạo Nhãn Nhục.-

☞Kinh A Hàm☞ nói: [Nếu người có đại lực, có thể nhẫn kẻ vô lực, đây chính là đệ nhất, là tối thượng nơi trong nhãn.]

Thiền sư Đạo Nhu nói: [Lui một bước tự nhiên êm ả, nhường ba bước thanh nhàn biết bao, nhẫn bao nhiêu cú pháp tự tại không lo, nhẫn nại một thời khoái lạc thân tiên.]

Hàn Sơn Văn Thập Đắc nói: [Người nhà nói xấu ta, hận ta, mạ nhục ta, cười ta, khinh ta, ghét ta, mạ lỵ ta, lừa dối ta, khi đó như thế nào?]

Thu xếp được trở lại cười nói: [Chỉ có nhẫn họ, từ họ, tránh họ, nhịn họ, kính họ, không cần nói lý với họ, chờ bao nhiêu năm xem họ như thế nào?]

Phật nói: [Dao bén hại thân thể có vết xẹo dễ lành, ác ngữ hại người hận khó tiêu.]

Cổ đức nói: [Giết sân thì an ôn, giết sân thì không lo, sân là căn nguyên của độc hại, sân diệt thì tất cả an lành']

Kinh Tứ Thập Nhị Chương² nói: [Kẻ ác hại người hiền, dụ như ngựa mặt lên trời mà khắc đám, đám không đến trời, trở lại rớt nơi mình, ngược gió thổi bụi trần, bụi trần không đến người kia, bụi trần quay trở lại tấp vào mình, kẻ hiền không thể hại, họa tất nhiên hại mình.]

Phẩm Phổ Môn² nói: [Niệm bí Quan Âm lực, hoàn trước ư bản nhân.] (Niệm năng lực Quan Âm kia, trở lại nương tựa nơi chính mình).

Có người mắng chửi Phật, Phật không lý luận với họ, Phật đối với đệ tử nói: [Như có người đem lễ vật giúp cho nhà người, nhà người nếu như không nhận, họ để ở chỗ nào?] Đệ tử đáp: [Họ chính cần thu lại.]

Cổ nhân nói: [Thế sự mỗi lần theo chỗ suy nghĩ mà nhường nhịn, nhân luân thường hoàn toàn ở trong nhẫn.]

Như Đường triều Trương Công Nghệ chín đời đều ở nhà lớn, sống một trăm tuổi, thơ của ông viết trong đó một trăm chữ nhẫn đem dâng lên Hoàng Đế Cao Tông, cho nên có một câu thành ngữ [Trương Công Bá Nhẫn].

Lão Tử nói: [Trăm chiến trăm thắng, không bằng một chữ nhẫn, vạn lời vạn khuyên can, không bằng [Im lặng], Phật giáo cho rằng không biện bạch là giải thoát. ²Kinh Phật Di Giáo² nói: [Nhẫn là đạo đệ nhất, cũng gọi là Ma Ha Diễn.]

Nhẫn của Phật gia không giống như Nho gia nói: [Nhẫn nhịn là sĩ nhục, mưu đồ từ từ báo phục.] hoặc [Tâm nhẫn hại lý, kẻ sĩ có thể giết, nhưng không thể chịu nhục.] Lại không giống như người có chỗ sợ hãi, can đảm tức giận, khí nhẫn nuốt chứng tiếng, nhưng không can đảm nói ra, buồn lo lâu ngày ứ đọng thành bệnh.

Đại sư Vĩnh Gia nói: [Theo họ nói xấu, mặc tình họ không phải, đem lửa thiêu trời chỉ có mình một mồi, ta nghe vừa đúng giống như uống nước cam lồ, rồi tiêu tan liền vào chỗ bất khả tư nghĩ, quán ác ngôn là công đức thì ta đây thì trở thành thiện tri thức, nhân không chê trách nói xấu thì điều gì biểu hiện lực vô sanh từ nhẫn.]

Kinh Kim Cang² nói: [Người nếu thấp hèn, là người đó đời trước gây nghiệp tội bị đọa vào ác đạo, người đời nay vì thấp hèn, do nghiệp tội đời trước nếu không bị tiêu diệt.]

Kinh Hoa Nghiêm² nói: [Trên mặt không sân cúng dường đầy đủ, trong miệng không sân nhả ra diệu hương, trong tâm không sân là trần bảo, không dơ không nhiễm là chân thường.]

Cổ Đức nói: [Thiện đã từ nơi tâm sanh, ác đâu lìa nơi tâm mà có, thiện ác là ngoài duyên, nơi tâm thật không có.]

Câu đối nơi cửa chùa Phật nói: [Đại đố năng dung dung thiên hạ nan dung chi sự, Từ Nhan thường tiếu tiếu thế gian khả tiếu chi nhân.] (Tâm lòng sâu rộng năng bao dung, chỉ bao dung những việc thiên hạ khó bao dung, Đức Phật thường cười, chỉ cười người thế gian có thể cười).

Sau thời Ngũ Đại Triều Đại nhà Lương có Bồ Đại Hòa Thượng, Hòa Thượng này nói: [Ta có một bao vải, hư không vào không chướng ngại, phân tán rabiến khắp mười phương, thấu hồi thấy tự tại.] Nơi nhà Lương Trinh Nguyên năm thứ 3, ngài ngay ngắn nơi Nhạc Lâm Tự trên tảng đá to, nói bài kệ: [Di Lạc chơn Di Lạc, phân thân thiên bá ức, thời thời thị thế nhân, thời nhân tự bất thức.] (Di Lạc chân thật là Di Lạc, phân thân ngàn trăm ức, thời gian lúc nào cũng báo cho biết, lúc bấy giờ người đời tự không biết), nói xong liền nhập diệt.

Ở trong sách có nói về ông Di Lạc: [Lão tăng mặc áo cà sa và áo tràng, ăn cơm no bụng, có người chửi mắng ông là ông lão đàn độn, ông lão đàn độn tự nói rất tốt, có người đánh lão đàn độn, lão đàn độn lại ngủ say, ông ta ngủ chảy nước miếng lên trên mặt, ông ta để tự nó khô khan, riêng tôi tiết giảm khí lực, còn ông ta cũng không phiền não, đó là hạnh ba la mật, lại cũng là ngọc báu màu nhiệm ở trong, nếu biết đây mất đi và tăng lên, sao lại buồn đạo không được hoàn toàn.]

Cuối nhà Minh Đại sư Hám Sơn nói: [Là không phải không chắc đấu tranh nhân và ngã, bị và thử sao lại phải luận ngắn và dài, chịu đựng một số thiệt thòi chỗ căn nguyên không chướng ngại, thoái lui nhượng bộ một bước ba phần cũng không ngại.]

Triều đại nhà Thanh Trịnh Bản Kiền nói: [Khó được mơ hồ, xin thiếu là phước.], sở dĩ nói: [Từ xưa người thường thì nhiều phước.] Phải biết sân hận đối với người chỗ hại rất lớn, căn cứ giới y học chứng minh: [Nếu người tức giận dữ tợn năm giây đồng hồ, trong thân độc tố tụ tập phát khởi, có thể do độc tố sát hại 12 con chuột sơ sanh, ác niệm sanh khởi, thần kinh toàn thân bày tiết ra chất độc, đối với sức khỏe tạo thành tổn thương rất lớn.]

Phật giáo có sanh nhẫn, pháp nhẫn, vô sanh pháp nhẫn. (1) Sanh Nhẫn: nghĩa là chứng lý ngã không, có người khen ngợi, có người hủy báng đều có thể dùng nhẫn. (2) Pháp Nhẫn: nghĩa là chứng lý pháp không, đối với đói, khát, lạnh, nóng của thân thể, đối với lo, buồn, khổ não đều có thể dùng nhẫn. (3) Vô Sanh Pháp Nhẫn: nghĩa là chứng đầy đủ lý không, không thấy sự sanh diệt của tam giới, tự tâm tĩnh lặng.

Giống như loại người không thể nhẫn, cho nên có khổ, có chỗ khó, nhân vì chưa rõ lý của nó, nếu người có thể sáng suốt đạo lý của nhẫn, chính gặp được đạo tu nhẫn nhục, cái khổ của nó có thể tiêu trừ. Lý đây có ba:

1,- Là vì có thể thân cận người không biết cần nhẫn. Giả sử ta làm một sự việc sai lầm, người kia nói xấu ta, chửi mắng ta và phê bình ta đàn độn, ta nên đem tâm ngọt ngào tình nguyện lãnh thọ. Còn nếu như ta không có làm một việc sai lầm, người kia đối với ta không lý đầu tranh, ta cũng nên cần phải có thể thương tiếc họ không biết. Cần yếu kẻ trí hiểu biết không cùng kẻ ngu đầu tranh, việc lớn không

bằng hóa thành việc nhỏ, họ chọn đấu tranh chính là ta thực hành Bồ Tát nghịch hạnh, người thông minh tự mình nên hành đạo nhẫn nhục.

2,- Vì tu phước bồi đức cần yếu nên nhẫn. Trong Kinh Phật nói: [Người tu phước trọng đại, chớ nên qua tu nhẫn nhục.] Chỗ nói tu một phần nhẫn, tức có một phần phước, có một phần phước, tức có một phần tướng, tu mười phần nhẫn, chính có mười phần phước, có mười phần phước, tức có mười phần tướng, nhân vì tướng từ tâm sanh. Trong Kinh Phật nói: [Nay sanh tướng mạo đoan chánh trang nghiêm, là trong đời trước tu nhẫn nhục mà được.] Kỳ thật có người nói xấu ta chửi mắng ta, ta đều không có xin lỗi quay mặt và ngược lại, ta đạt đến tiện nghi. Đại sư Vĩnh Gia nói: [Xem lời nói ác, là công đức.] Nếu như thứ tướng đây, lại có việc gì không thể nhẫn chịu?

3,- Vì trả công đời trước nên cần phải nhẫn, đời nay người họ nói xấu ta và phê bình cho ta đần độn, ta có thể đời trước nói xấu lỗi của họ, chửi mắng lỗi của họ và phê bình lỗi đần độn của họ, cho nên hiện tại là lúc ta phải trả nợ đó, cần gì nhất định phải trở lại cùng họ tranh luận, nếu như ta trở lại chửi mắng họ, oán cừu như thế ngày nào mới chấm dứt. Lại nói, họ làm gì mà không bị người kia chửi mắng, trở lại chửi mắng ta, không phải đời trước ta mắc nợ họ, nhất định là ngày nay phước đức của ta rất mỏng, chỉ dựa vào cơ hội, nên cần phải tu phước bồi đức, nếu như ta có hoàn toàn phước đức, họ cung kính tán thán ta không kịp, làm sao hãm hại phỉ báng ta. Nếu họ đến nói xấu chửi mắng ta, chính là tặng trưởng phước đức cho ta, sao lại dùng não hận đến cho họ? Nếu người nào sáng tỏ ba thứ nguyên nhân trên, chính là người hành đạo nhẫn nhục, thì làm sao khổ nạn không bị tiêu diệt hoàn toàn!

6.- Chân Nghĩa Của Lễ Bái.-

Phật nói: [Thân là nguồn gốc của các khổ, không thân thì không khổ].

Lão Tử nói: [Ta sở dĩ có đại họa là vì ta có thân, nếu ta không thân, ta có họa gì?] Dục vọng con người do thân mà phát khởi. Tham ái tài sắc, tranh danh đoạt lợi, đều là thân hưởng thọ mà thôi. Nếu không có thân, tài sắc các vật liền không có chỗ nhu cầu. Người đã có thân không thể không cầu, có cầu thì có thống khổ. Chỗ gọi: [Con người vì tiền mà chết, chim vì ăn mà tử vong.] Cầu

không đặng, dốc hết toàn lực, hi sinh mạng sống tìm cầu, tất nhiên đạt được mục đích mới thôi, cho nên cầu đây, chính là nhân của cái khổ.

Cầu đã được, hoạn nạn cũng đã được đã mất, vì tài sắc ràng buộc, không thể giải thoát, giống như con tằm xây tổ kén con tằm, tự ràng buộc trời buộc, tài sắc cùng sanh mạng hợp làm một, như keo cao su tự nước sơn, không thể phân ly, đi đứng ngồi nằm, không thể tự do, vốn cầu khoái lạc, ngược lại chuốc lấy thống khổ, đâu không thể hồi tiếc! Phật nói: [Chư hành vô thường, thị sanh diệt pháp. (Các pháp hành vô thường là pháp sanh diệt). Một ngày nào đó tài sắc tan mất, mạng căn cũng theo đó diệt vong, do đây có thể thấy, cầu không được cố nhiên là khổ, cầu được lại cũng khổ. Cố nhiên nếu không cầu, mới là thoát ly thống khổ chân chánh. Tiên Hiền có nói: [Người đến không cầu thì phẩm hạnh cao.] Có thể thấy đức không cầu, đến cao không gì trên.

Nguyên nhân chính người tôi không thể không cầu, chỗ ở chọn ngày bị khổ chính là nước xoáy, không pháp giải thoát. Lại có kẻ tận lực, ban đầu cầu tài sắc, mê vọng tạo nghiệp sát, sát sanh con vẹt, cúng tế quý thân, chỗ hướng đông đốt hương, chỗ hướng tây lạy rạp đầu xuống đất, dựa vào đây cầu đảo, tưởng lia khỏi thống khổ. Mà trên sự thật, cầu thần bái quỷ chẳng những không có công, mà ngược lại có lỗi, nguyên nhân ở chỗ cộng thêm ác nghiệp, dễ vào tam đồ. Vì thế nhân loại tưởng cần yếu chân chánh là thoát ly thống khổ, chỉ có nương nơi cúng bái Phật Đà nhờ khai thị cùng chỉ đạo, mới có thể thâm hoạch được chân đế vô cầu, được đến chân khoái lạc của vô thượng tịch diệt.

Pháp môn cúng bái của người đời, thật không thể đạt đến chân chánh là khổ được vui, đều nguyên nhân Thần và Phật không phân biệt, mê tối nơi chân đế của Phật giáo. Thậm chí có người quy y Tam Bảo nhiều năm, chạy đến chùa viện lễ Phật, còn xưng lễ Thần, đã không biết Phật là người nào, lại không rõ lý luận của Phật giáo, sao có thể nương nơi pháp để tu trì, thoát ly khỏi khổ não sanh tử? Ở đây vì thương tiếc bọn chúng sanh ngu muội khổ não, đem sự cúng bái phân làm sáu thứ nói rõ như dưới đây:

[1] Lạy Quý Thần.

Quý ở trong sáu đường, thuộc nơi ba đường ác. Nhân vì có tội ác, bị trầm luân

nơi cõi quỷ, quỷ nên kính trọng người, sao lại người cần lạy quỷ. Như nói người kia lạy quỷ, người đó nhất định không chỉ thừa nhận, thậm chí còn cùng người tranh luận, nhân vì họ lạy quỷ, chính họ không tự biết. Như lạy thành hoàng, thổ địa, đen trắng vô thường, một khi thấy phát tài, tiểu quỷ Phán Quan (Phán Quan là ông quan toàn quyền xét xử), Thập Điện Diêm Vương vân vân, đều là lạy quỷ. Kinh nói quỷ có ba loại, (1) Đa tài, (2) Thiếu tài, (3) Vô tài. Những loại đây không có lỗi, đều thuộc nơi hai loại quỷ Đa tài cùng Thiếu tài.

[2] Lạy Súc Sanh.

Như nói người kia lạy súc sanh, người kia cũng nguyện không nghe và không tin, nếu đem lý của nó thì nghĩ không cần giải thích thêm, tự nó có thể minh bạch. Như lạy hồ tiên (hồ ly là con cáo), long vương, bò thần, hoàng tam thái gia (hoàng lang là con chó sói), tề thiên đại thánh (con khỉ tinh), vân vân, đều là lạy súc sanh. Nhân vì chúng nó nhiều đời tu luyện, có thể huyền biến, có ít thần thông, mê hoặc con người, có lúc người bệnh hoạn đầu nhức, bụng đau, nếu chỉ hứa nguyện phụng sự, tật bệnh cũng có thể thấy khỏi, những đây đều là tinh linh làm quái lạ. Nếu là chánh nhân quân tử, phước đức thịnh vượng, trâu, quỷ, sà, thần, không dám thân cận.

[3] Lạy Thần.

Như lạy Khổng Tử, Bao Công, Thần Nông, Vũ Vương, Nhạc Phi, Quan Công, Hàn Vũ Văn Xương vân vân, vì họ là những người, công lớn vô tư, hộ quốc yêu dân, đối với xã hội quốc gia cống hiến rất lớn, sống thì làm anh hùng, chết thì làm thần linh. Vì thế người đời lập miếu phụng thờ, lưu niệm vĩnh viễn, thâm cảm hậu ân.

[4] Lạy Tiên.

Tiên là người giác ngộ nhân sanh, thọ mạng ngắn ngủi, chán sợ vô thường, tưởng nghĩ muốn sống lâu dài để hưởng thụ lợi ích, trường sanh bất lão, nhân đó mà liacác chỗ hỗn loạn đấu tranh, càng vào sâu rừng núi, dứt khói lửa ăn uống, luyện khí hóa thần, trải qua năm tháng mệt mỏi, tu thành đạo tiên, tuổi thọ ngàn vạn năm, đi bộ như bay, vào lửa không cháy, vào nước không ướt, có thể hóa hình dị cốt,

điểm đá thành kim, như Thái Thượng Lão Quân, Lữ Đồng Tân, Hà Tiên Cô, Hán Chung Ly, Huỳnh Thạch Công vân vân, đều là lạy tiên.

[5] Lạy Trời.

Không luận nhân sĩ trong hay ngoài xưa hay nay, đều cho trời là tối cao trên hết, thần thánh không lường, nước trời hưởng thọ, chỗ muốn tùy tâm, cần quần áo thì quần áo đền, tưởng đồ ăn thì đồ ăn đến, cái vui của thiên đường không phải nhân gian có thể sánh kịp. Chấp nhận cho thiên thần thường đến kiểm tra xét xử thiện ác của dân gian, người làm lành ban cho họ những điều phước lành, người làm ác ban cho họ những điều tai ương, nhân đây người người đều lạy trời, hy vọng trời giáng xuống kiết tường, ngũ phước lâm môn (Năm phước đến nhà. Ngũ phước nghĩa là năm điều sung sướng ở đời. Năm điều gồm có: (1) Phú: giàu có, (2) Quý: sang trọng, (3) Thọ: sống lâu, (4) Khương: mạnh khoẻ, (5) Ninh: yên ổn). Như lạy Ngọc Hoàng Thượng Đế, lạy Thiên Hậu Nương Nương, Thiên Tử Nhật, Thiên Tử Nguyệt, Nam Đẩu Tinh Quân, Bắc Đẩu Tinh Quân, đều là lạy trời.

Dùng năm thứ trên để cúng lạy, đều là tập tục của dân gian được lưu truyền đến nay, trong đó có tu đạo giáo mang đến, có chỗ gây nghiệp cảm, không luận tu được cùng báo được, nói chung đều là chúng sanh hạng phàm phu, sanh tử khổ hải, đều chưa giải thoát. Cõi quỷ, súc sanh, nhân gian, thần tiên, thiên đường, địa ngục, giống nhau đều là sáu nẻo luân hồi, tùy nghiệp thọ báo khó tránh.

[6] Lạy Phật.

Là đệ tử Phật môn, không nên vọng lạy năm thứ vọng cảnh nói trên, chỉ có lễ Phật đà. Chỗ nói: [Nặng lễ sở lễ tánh không tịch, cảm ứng đạo giao nan tư nghi.] (Người lễ chỗ lễ cả hai tánh vắng lặng, con đường cảm ứng giao tiếp khó nghĩ lường).

Phật đà đã trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp, đã từng cắt thịt cho chim ưng ăn, xả thân cho cọp ăn, có thể thật hành những việc khó thật hành, có thể xả bỏ những việc khó xả bỏ, rộng tu lục độ vạn hạnh, công tròn đầy quả viên mãn, chứng đặng vô thượng bồ đề, phước đức trí huệ, đầy đủ viên mãn, giác ngộ chân lý vũ trụ nhân sanh, rộng độ lục đạo chúng sanh, không thọ sanh luân hồi trở lại, chân thật chỗ

gọi: [Tất cả không có ai giống như đức Phật.] Phật đà chỉ cho nhân sanh nơi thế gian như ông như huyễn, như bèo như ảnh, vốn không thật thể, nhân vì nó đều từ nơi trong vọng tâm sanh ra, nếu không vọng tâm, tức không cảnh vọng. Phật đà đã trải qua nhiều năm khổ tu mới được thành quả, đã đoạn vọng tưởng, nên không vọng tâm, nhân không vọng tâm, liền không thọ sanh tử khổ não trong sáu đường, cho nên người đã chân chánh lìa khổ được an lạc, chỉ có Phật đà mà thôi.

Mục đích lễ Phật chân chánh, không cầu phước báo nhân thiên, không cầu bảo hộ bình an, không vọng thặng quan phát tài. Phật là Phật đã thành, ta là Phật sẽ thành, Phật sanh bình đẳng, tại thánh không tăng, tại phàm không giảm, nhân vì ta tích trừ đam mê chưa đạt mục đích, một niệm sai lầm, ngàn kiếp lầm lỗi, nếu có thể đón ngộ năng lễ sở lễ, năng sở gấp đôi tiêu mất, bản tánh tĩnh lặng, rồi sau đó tất cả tự tại.

7,- Quy Y Tam Bảo Thân Tâm An Thới.-

Vấn đề nhân sanh thì thống khổ vô cùng, không ai không trải qua nơi tinh thần không có chỗ gởi gắm. Chúng ta ở nhà đọc sách hoặc đi công tác trong thời gian kỳ hạn, chưa chắc không có cảm giác sầu muộn, nhưng đến sau khi hoàn toàn nghỉ hưu, ở trong nhà thời gian quá dài, lại gặp thường thường cảm giác được sinh hoạt chỗ vui quá thiếu thốn mà vì buồn lo cho nên vui hơi nhạt nhẽo. Còn xuất ngoại du lịch, hoặc cùng người khác hoạt động, lại gặp cảm giác sức tinh nhuệ không đủ, nhân vì niệm ban đầu hết sức dễ sanh khởi ý tưởng tiêu cực cùng bi quan. Căn cứ nơi kiểm tra báo cáo, nơi Hương Cảng, có lão nhân ở cô độc, tâm ông có thái độ tiêu cực, tám lần lòng thành tự nhận [vô dụng], hai lần lòng thành biểu thị [chờ chết].

Quả như chúng ta có tín ngưỡng Phật giáo, có quy y Tam Bảo, miệng niệm Di Đà, mắt xem kinh Phật, tai nghe đại đạo, tâm suy nghĩ chân lý, lễ Phật tĩnh tọa, liền có thể thân tâm an lạc, vui mừng khi tuổi xế chiều được về nơi cõi an lạc.

Trong người chúng ta nếu như tĩnh tọa đối với thân tâm rất có giúp thêm bổ ích, có thể khiến trung khu thần kinh yên tĩnh thanh tịnh, có công năng điều khiển trợ giúp nó, máu huyết tuần hoàn và hệ thống hô hấp thông suốt, giúp đỡ thay cũ đổi mới, thân tâm vui mừng, không những không cảm giác phiền muộn, vả lại có

thể tiêu trừ trăm bệnh. Nguyên nhân thân là do tâm làm chủ, tâm định thì khí hòa, khí hòa thì huyết thuận, huyết thuận thì tinh dịch đầy đủ, tinh dịch đầy đủ thì thần lực sáng sủa. Ngoài ra, ngồi tĩnh tọa được lâu, liền đứng lên nhất tâm lễ Phật, niệm Phật, là dùng trạng thái động và tịnh điều hòa lẫn nhau, không chỉ phòng bệnh mà còn được sống lâu, lâm chung có thể nhờ đó được vãng sanh thế giới cực lạc tây phương, hưởng thọ các lạc, không có các khổ.

Điều kiện tiên quyết của quy y Tam Bảo, tất nhiên phải giữ tâm tốt, lời nói tốt, làm những việc tốt. Những điều nghịch thiên trái ngược sự lý không nên đi làm, hoặc có ác niệm tổn người lợi mình cũng không nên phát khởi, phạm là tâm kính mến anh em, trung tín lễ nghĩa liêm sĩ tất nhiên phải giữ tồn tại. Kẻ nói lời tốt, phạm đối với người có chỗ cần giúp đỡ, không nên không dừng cảm đến trước trực tiếp, giúp nó có chỗ thành tựu. Đây là người mới vào Phật môn nên thọ quy giới, linh tinh đều không nghiêm khắc quy định. Nếu cần tiến thêm một bước thọ ngũ giới, bát giới, xuất gia thọ Sa Di thập giới, Tỳ Kheo 250 giới, Tỳ Kheo Ni 348 giới, Bồ Tát 10 giới trọng 48 giới khinh, làm sao có được sự ràng buộc của giới luật. Nhân giới sanh định, nhân định sanh huệ.

Người tin Phật nên cần phải quy y Phật, Pháp, Tăng. Phật là thánh nhân, Pháp là chân lý, Tăng là người có thể nối tiếp huệ mạng của Phật. Phật Pháp Tăng là hy hữu của thế gian, trọng đại của thế giới, chỗ có Phật pháp không nhiều, cho nên nhất định cần phải hộ trì nó. Phật Pháp Tăng không những khiến người liễu sanh thoát tử (có thể sống thoát khỏi sanh tử), cũng có thể khiến người lìa khổ não được an lạc.

Phật Pháp Tăng gọi là Tam Bảo. Sao gọi là Quy Y Tam Bảo? Bảo có ba nghĩa: (1)- Là nghĩa tôn quý. Giá trị siêu việt bất cứ vật chất đều chuẩn bị bảo hộ, cho nên gọi là rất tôn quý. (2)- Là nghĩa hy hữu. Thế gian không thể được nhiều, hiện tại đã được, cần phải luôn luôn yêu quý và bảo hộ, để cho nó không mất. (3)- Là nghĩa tự lợi lợi tha, nhà của mình đã có bảo vật, đương nhiên hưởng dùng không hết, cũng có thể giúp đỡ người khác, khiến người khác không chịu nghèo khổ. Phật là bậc Đại Thánh đã được tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Cho nên chúng ta cần phải quy y Phật.

Pháp, biểu hiện bề mặt xem chỉ là kinh sách, chúng ta làm gì cũng cần yếu phải

quy y nó? Phải biết khi Phật còn tại thế, chỉ quy y Phật là có thể, nguyên vì bản thân của Phật lại đầy đủ Tam Bảo. Đây là nói, Phật đã giác ngộ chân lý của vũ trụ nhân sanh, bản thân ngài chính là Phật Bảo; tùy thời tùy chỗ, nói ra những lời đã chứng ngộ, chính là Pháp Bảo; bàn chân đỏ của tướng tỳ kheo, đó là Tăng Bảo. Nhưng ngày nay Phật Bảo đã viên tịch lâu xa, chỉ lưu lại tượng Phật bằng đất chạm khắc bằng cây, nó không thể tùy cơ thuyết pháp, chúng ta hiện tại cần lý giải Phật pháp, chỉ có xem đọc pháp Phật chỗ đã được lưu lại, chính là Phật kinh, do văn tự hiển bày được lý, ngộ nhập được các pháp thật tướng. Pháp là mẹ của chư Phật, có thể xuất sanh tất cả thánh hiền, cho nên sau này có thể quy y Phật Bảo, nhưng cũng cần quy y Pháp Bảo.

Như thế, chỉ quy y Phật Pháp nhị Bảo cũng có thể được chãng, còn thế nào lại cần quy y Tăng Bảo? Nguyên vì Phật Bảo nhập diệt đã lâu, Pháp Bảo thì lại chỉ giấy trắng chữ mực đen, cho nên phải nương nơi Tăng Bảo đại diện truyền bá giáo pháp. Có người cho rằng Phật Bảo là thánh nhân của giác ngộ, lẽ đương nhiên cần phải tôn kính, Pháp Bảo người ngày nay giải nghĩa lý rõ ràng, như Văn Thù Phổ Hiền và A La Hán là thánh tăng xuất thế cũng nên cung kính; làm thế nào cần phải quy y những vị tăng phạm phu chưa đoạn trừ phiền não? Đây là nguyên vì nhân tăng này có thể dùng làm trụ trì Tam Bảo, nếu như không có những tăng nhân làm trụ trì thì chính không biết có Phật cùng Pháp chãng và hơn nữa Tam Bảo làm sao còn trụ thế? Không lo ngại, những cao tăng đạo cao đức trọng, cố nhiên có thể nối tiếp hưng thịnh giống Phật, hóa độ phần tử tri thức thượng căn lợi trí; tức là khiến tri thức nhân tăng so sánh thấp bằng như nước, cũng có thể tiếp tục giữ gìn huệ mạng của Phật, dẫn đạo chúng sanh hạ căn trí cạn, nhân vì tri thức của họ tiếp cận lẫn nhau bằng phẳng như nước, bị thử dễ dàng phù hợp với nhau, thời gian lâu duyên chín mùi, đối với Phật pháp tự nhiên gặp tín tâm sanh khởi, liền khiến bước vào nương nơi Phật môn, chỉ cần trải qua tăng già chứng minh, quy y Tam Bảo viên thành, liền có thể xưng là đệ tử Phật giáo. Nói chung, hiện chúng xuất gia sẽ trở thành tỳ kheo, đều có thể là người làm chứng, quy y Tam Bảo.

Như chưa từng quy y, không luận là người như thế nào đối với Phật giáo tín ngưỡng như thành kính ra sao, nói chung không thể xưng là tín đồ Phật giáo. Nhân vì họ sau khi tin Phật giáo, tất nhiên phải quy y Tam Bảo mới phù hợp mẫu mực.

Quy y Tam Bảo, đã là một cử chỉ xuất sắc, sao lại không được vui? Nhân đây,

không chỉ tự mình đã quy y Tam Bảo, phàm là hiếu tử hiền tôn, đều nên khuyến khích trường bối, bà con thân thích, cho đến bằng hữu nên quy y Tam Bảo, chung nhau thấm nhuần.

8,- Vì Người Sơ Cơ Học Phật Góp Ý Kiến.-

Đối với nhân sĩ mới bước vào tiếp xúc Phật giáo, rất trọng yếu là đem tâm lượng mở ra, mở lớn, dùng thái độ khách quan để bèn tâm nghiên cứu, giả sử dùng ngày giờ cầu chứng chân lý, chỗ gọi: [La Mã cũng không phải là một ngày xây dựng được thành.] Ở đây nếu không đưa người vào bảo sơn để về tay không thì cũng không khác gì thiếu Phật đà thị hiện nơi đời, nói pháp 49 năm.

a)- Học Phật Khó Khăn.

Chính tôi ở trong Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán có một năm, thấy người mỗi ngày đến mượn sách cùng xem kinh, thật không có gì phức tạp. Chúng nó không thiếu thời gian, đều là học sinh trung học và cao đẳng chuyên khoa, họ vừa mới đến, đều ấp ủ hy vọng rất lớn, cần nghiên cứu một số kinh Phật, để giải quyết đại vấn đề nhân sanh. Nơi đây chúng nó nhìn lên tượng Phật, rủ lòng thương xem một số kinh, nhưng nguyên nhân chúng đều không biết nghĩa lý, kết quả khiến trở nên thần thờ mờ mịt không biết gì, thấy đều thất bại.

Chúng nó đã là trong một số đại học sanh, đương nhiên đối với vật lý hóa học vân vân nhất luật tinh thông, còn đối nơi tăng nhân giữ cửa, nói chung hiểu được chưa từng tiến qua cửa trường, thì làm sao có thể hiểu rõ giống như đại học sanh, còn tăng nhân thà để họ tự mình không hiểu và nếu muốn hiểu cũng nguyện xin đi đến ta để hỏi.

Bản nhân học thức tuy sai biệt, chỉ cần giữ vững bản nguyện hoàng dương Phật pháp, làm việc không cần hỏi bạn, chủ động cùng chúng nó nói chuyện. Chúng nó gặp tôi (bản nhân) thuyết pháp Phật kinh rất thâm sâu, Nhân sĩ Phật giáo hỏi làm thế nào không đem nó dịch thành văn bạch thoại? Tôi trả lời, văn bạch thoại có lợi mà cũng có hại, giống như các vị cố nhiên dễ hiểu, nhưng không dễ dàng do văn hiển được lý, nhân vì Phật thuyết tất cả pháp, chủ yếu mục đích là hiển lý, cho nên không xem trọng văn tự, nhân vì văn tự thật khó đạt lý, nếu trở lại dịch thành văn

bạch thoại, thì khoảng cách về lý càng xa. Nói chung các vị hiểu cao và trí sâu, thấy lý cũng sâu, còn hiểu thấp thì trí cũng thấp, cho nên thấy lý cũng thấp, văn tự là chỗ chứa của lý không có cùng tận, nên kinh nói: [Chữ chữ bao hàm nghĩa lý rất nhiều.] Tùy theo người trí huệ mà phân chia cạn hay sâu, cho nên xưa nay tăng hay tục, đọc kinh văn mà ngộ được lý, có thể đếm trên đầu ngón tay, đây là lý do. Người ngày nay không nghiên cứu căn bản của nhân sanh, nhưng chỉ biết thô thiển bên ngoài, cho nên một khi chưa trải qua lý luận Phật giáo đến chỗ thâm sâu, liền không dễ dàng thấu hiểu, chúng nó sau khi tự đến các vị khác giới thiệu đơn giản một điểm Phật lý, chúng nó giống như trong mộng mới được tỉnh ngộ.

b)- Làm Học Giả Phải Không Hồ Thẹn Cứ Đến Hỏi.

Một ngày, có một vị sinh viên tốt nghiệp chuyên nghiệp, họ muốn nghiên cứu triết học, trước hết đến nghiên cứu Phật học, nhằm để trợ giúp trau dồi thêm kiến thức. Ông ta không dự tính xem kinh không hiểu, đại phát ngôn bất mãn, nói rằng hiện tại là thời đại gì lại dùng một số cổ văn, khiến người không được vào cửa của nó. Tôi tức thời bình tâm hòa khí đến chỗ ông ta liền mời ông ta ngồi xuống, đem Phật giáo đại cương giảng giúp cho ông ta nghe, ông ta rất ngạo mạn đối với tôi liền nói: [Ông biết đạo còn trình độ của tôi như thế nào không?] Tôi liền nói: [Trình độ của ông đương nhiên so với tôi thì cao hơn, như thế, thỉnh ông giảng giúp tôi nghe.] Ông ta nói: [Tôi vẽ một vòng tròn ông có thể hiểu không?] Ông ta giảng theo hình vẽ. Tôi nói: [Pháp giới đều chạy theo đây, rồi pháp giới lại trở về đây, có phải không?] Ông ta nói: [Không phải, đây là thái không thấu suốt, như ở đây ông nói, tứ đại giai không.] Tôi liền hỏi ông ta: [Tứ đại giai không là gì?] Ông ta từ chối không đáp. Lúc đó, tôi mới biết đạo của ông ta đối với Phật giáo ngoài chữ hán hoàn toàn còn ấu trĩ, có thể nghi ngờ ông ta xem kinh Phật đều không hiểu. Một lần nơi hội trẻ con, ông ta gặp lại tôi hỏi: [Hiện tại các pháp có chăng?] Tôi đáp, Duy Thức Tông nói: [Duy tâm chỗ hiện, Duy thức chỗ biến.] Kinh Lăng Nghiêm nói: [Theo nghiệp phát hiện.], chính là tùy theo tâm chúng sanh, phát hiện các thứ vật tượng. Ông ta lại hỏi: [Chúng ta có chân tâm không?] Tôi nói: [Chân đối với vọng mà lập, nếu như không có vọng, cũng không có chân. Như vua đối với dân mà lập, nếu không có dân, vua cũng không thể được. Thí dụ như đối với Phi mà lập, nếu không có Thi, thì Phi cũng không thể được. Tất cả các pháp, không ai không như thế.] Tôi đối ông ta sau khi giảng một thời gian ngắn, ông ta kiêu ngạo mới dịu hẳn, khi chia tay, liền nói tôi sẽ trở lại thỉnh giáo tiếp.

c)- Phật Lý Chưa Rõ Không Nên Loạn Đi Đến Phê Bình.

Có một tiên sinh nọ ở đại học đã nhận dạy nhiều năm, thời thường ông ta đến hiệu sách mượn sách về nhà xem đọc, quy ước quan trọng mượn sách tối đa chỉ có hai năm, xem xong phải mang trả lại, ông ta xem kinh thư rất nhiều. Lần thứ nhất, ông ta đối với tôi chỉ là một vị học sinh, nhưng ông nói: [Tôi là giáo thọ giảng Phật giáo lý luận rất tốt.] Ông ta chẳng qua thần thoại rất nhiều, khó có thể khiến người tin tưởng ông ta. Khi ông ta đến Đờ Thu Quán, ở đây tôi cũng thường đàm luận với ông ta, ông giảng nhân tình ở đời rất nhiều, ít giảng Phật pháp. Ông ta vốn là người cũng tự mình khoe là giáo thọ đại học, học thức uyên bác, nói năng nhất định siêu nhân. Tôi cho ông ta đây tượng tượng Phật pháp sai lầm, trên thế gian pháp, ông ta có thể xưng là giáo thọ đại học, còn ở trên Phật pháp, thật tại nói lên, ông ta chỉ là học sinh. Nhân vì Phật pháp như biển cả, ông ta xem Phật kinh có thể được bao nhiêu? Nhất là đầu óc của ông ta, hoàn toàn chất đầy khoa học cùng tư tưởng triết học, mỗi lần đem Phật lý cùng khoa học đàm luận hỗn hợp làm một, rất khó lý giải nguyên ý của Phật kinh. Nguyên vì Phật lý siêu quần tuyệt luân, bàn luận thế sự rất khó cùng so sánh để dự thảo, tất cả tư tưởng phạm tình của thế gian, chung cuộc khó thấy rõ chân đế của Phật giáo, dụ như ánh sáng của con đom đóm đem so sánh với ánh sáng mặt trời.

Thiên Thai Tông nói: [Đem tâm không thể nghĩ bàn, quán cảnh không thể nghĩ bàn.] Tâm không thể nghĩ bàn đây, không thể nói có, cũng không thể nói không, không thể nói cũng có cũng không; lại không thể nói không phải có không phải không, lớn nhỏ vuông tròn, cũng lại như thế. Tâm không thể nghĩ bàn như thế, cảnh không thể nghĩ bàn cũng như thế. Do quán như thế, làm sao giống nhau không phải là thần thoại? Bản thân nhà người tức là thần thoại to lớn, nhà người trước khi chưa sanh, nguyên là không có thân nhà người, sau khi nhà người tự nhảy vào thai, buộc túm lại một bọc nước, biến thành thân nhà người, Thử hỏi, bọc nước nhỏ đây có phải là thân của nhà người hay không? Sau khi ra khỏi thai, do nhỏ đến tráng niên, do tráng niên đến già, do già đến chết, rồi trở lại không có. Thử hỏi, thân thể nhà người cứu cánh là có hay là không, hoặc không phải có hay không phải không? Thân là như thế, vũ trụ vạn hữu không ai là không như thế. Phật nói tất cả vạn vật trong thế giới, đều là từ nhân duyên sanh mà có, rồi từ có trở về không, không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không. Bọn chúng không hiểu rõ chân đế Phật

pháp, chỉ nói nó là thần thoại.

c)- Tâm Là Vạn Năng.

Tôi khi giảng cho mọi người nghe, Cơ Đốc Giáo cho thượng đế là vạn năng, Phật giáo cho vạn pháp duy tâm. Tất cả vạn vật trong thế gian, đều tùy tâm biến hiện, tâm cho nó lớn thì nó lớn, tâm cho nó nhỏ thì nó nhỏ, dài ngắn vuông tròn, cũng lại như thế. Bản thân của tâm chính là tướng không lớn nhỏ vuông tròn vân vân, chỉ nhân vọng chấp mà có, nếu không vọng chấp, đương nhiên tức là không lớn nhỏ vuông tròn vân vân sẽ có thể được. Tâm có chấp trước, tức có phân biệt, có phân biệt, tức có chỗ trở ngại, thấy trước không thấy sau, thấy bên trái không thấy bên phải. Nếu như chứng được trí không phân biệt, thì trước sau phải trái, tất cả vạn sự vạn vật, đều thấy triệt để căn nguyên của nó, không chỗ chướng ngại, như kiến đại viên, đồng chiếu một lúc, không rớt trước sau. Kẻ không trí, cho đây là thần thoại, kẻ có trí, cho là rất bình thường, người người vốn đầy đủ, mỗi mỗi không phải là không. Nhân vì tâm của người tôi, gần đây dong ruổi, không có công phu phản chiếu, cho nên vọng thọ sanh tử.

Phật nói tâm nếu có thể chuyển vật, tức là đồng Như Lai; nếu tâm bị vật chuyển, tức là phàm phu. Nếu như tâm người tôi có thể chuyển vật, tức có thể chuyển đại địa thành hoàng kim, thay đổi đại hải thành lưu ly, biến thân lớn như tu di, hóa thân nhỏ như hạt cải. Thứ thần thông diệu dụng đây, đều từ nơi tâm mà được, cho nên tâm là vạn năng, đâu phải là thần thoại?

d)- Kết Luận.

Người mới học Phật, cần yếu xem nhiều kinh Phật, nghiên cứu nhiều chân lý, bằng không vân vân, tuy tin Phật nhiều năm, nhưng thần xưa và Phật không phân biệt, trên bề mặt biểu hiện là Phật giáo đồ, nhưng thật tế, họ thuộc về Phiếm Thần Luận, nói năng đều không phải chánh tông, đâu có thể giảng lý luận Phật giáo? Chỉ cần bụng trống rỗng nếu cùng đường thì gặp diệu lý theo đó phát sanh, thấy rộng đa văn, lo gì tri thức không phong phú? Nếu đối với Phật lý không sáng suốt chút nào, tốt nhất tạm thời chớ thất vọng lại thêm phê bình. Một ngày nào đó sau khi thấy rõ chân thật ngộ được Phật pháp, thì mới biết Phật pháp vô biên, mỗi pháp đều màu nhiệm, không một pháp nào từng ly khai chân đế.

II.- NHÂN SANH CÙNG PHẬT GIÁO.-

1.- Nhân Sanh Quan Của Phật Giáo.

Phật là ý nghĩa giác ngộ, là người hoàn toàn giác ngộ chân lý của vũ trụ nhân sanh. Giáo là chỉ cho Phật đà là người chỉ đạo cứu giúp chúng sanh giải thoát sanh tử. Phật dùng trí huệ vô thượng, nói tất cả giáo pháp gồm 3 tạng 12 bộ kinh, dùng phương pháp dạy giáo hóa chúng sanh, chuyên phạm thành thánh, lìa khổ được an lạc, nên gọi là Phật giáo.

[Nhân] đây so cùng động vật có khác không giống nhau, chỗ gọi là [Nhân là tâm linh của vạn vật.] là trí huệ của nhân loại, nó siêu việt hơn các động vật khác, lại nữa nguyên vì nhân gian sinh hoạt có khổ có lạc, cho nên ở trong lục đạo, do con người (nhân) tu hành rất dễ đắc đạo. [Sanh] chính là chúng sanh. Chúng sanh có ba thứ ý nghĩa: (1) chúng đa nhi sanh, (Sanh ra do nhiều yếu tố) (2) Chúng đa sanh tử, (Sống chết do nhiều yếu tố) (3) Chúng duyên hòa hợp nhi sanh. (Các duyên hòa hợp để sanh). [Thai] do ba người là cha, mẹ, mình, [Noãn] lại thêm âm áp hai duyên: âm ướt và mình; [Hóa] chỉ nghiệp duyên của mình. Kinh Lăng Nghiêm nói: [Noãn do tướng mà sanh, thai do nhân tình mà có, âm ướt do hiệp cảm mà nên, hóa do ly tán tương ứng.]

Nhân loại do sanh ra đi đến già chết, do đọc sách đi đến thành gia lập nghiệp, là nương nơi sự ăn ở hành động, suốt ngày đi đêm về hôm, mục đích không phải cần kéo dài sanh mạng. Chỉ sanh mạng đây, thế nào cũng có một ngày bị đình chỉ hoạt động, nhân vì phạm có sanh tất nhiên phải có chết, nếu tướng không chết, đâu cần phải cầu vô sanh.

[Nhân sanh] hiệp lại để giảng, chính là sinh hoạt và sanh mạng của nhân loại, cứu cánh ý nghĩa và giá trị của nhân loại như thế nào? Những người có nhân sanh quan không đồng với các người khác, là nhân vì có dân tộc, văn hóa, giai cấp, chức nghiệp và tông giáo vân vân không đồng, nhân sanh quan của chúng đều có, nay lược phân có tám thứ, theo thứ tự nói rõ.

(1)-Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là thuận theo vận mạng an

bày. Một thứ người đâysuốt ngày sống mơ hồ cho qua ngày tháng, cơm đến thì ăn cơm, có áo thì mặc áo, đại gia sinh hoạt như thế nào thì họ cũng sinh hoạt theo như thế đó, đặc biệt vấn đề sanh, già, bệnh, chết, họ cũng tự nhiên, nhận cho đó là một sự việc bình thường, đối với nhân sanh đã không có nghi vấn, cũng không đi tìm kiếm phương pháp để giải quyết nhân sanh, còn đối với vấn đề sanh tử họ lại càng thêm không có phương pháp.

(2)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là hưởng lạc chủ nghĩa. Một thứ người đây ôm ấp dựa vào một thứ phóng túng có thái độ đi tìm khoái lạc, có năm sanh, nhưng không đi nghiên cứu sanh tử, ngay cả quốc gia dân tộc phát sanh biến hóa như thế nào, cũng chẳng quan tâm, không luận ở trên tinh thần hoặc ở trên vật chất, đều là hưởng thụ cho thỏa thích, thậm chí vì đạt được mục đích, không bỏ thủ đoạn nào, tận dụng tâm trí, hưởng thụ cho khoái lạc. Quá đáng hoặc làm ra đối với con người có những sự việc không lợi, nhưng cũng không kiêng nể. Chỗ gọi là: [Sáng nay có rượu sáng nay say, ngày mai sàu lại ngày mai trực tiếp.] Nhân đây, lại tạo tác tội nghiệp vô biên, báo ứng chậm hay sớm tự mình nhận chịu, không người nào có thể thay thế.

(3)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là chủ nghĩa bi quan. Quả như sinh hoạt trải qua không được như ý, liền sanh khởi ưu sầu và bi quan, suốt ngày oán trời trách người. Không luận đối với vấn đề gia đình, bằng hữu, sinh hoạt, công tác vân vân, đều sanh khởi bi quan, nhận cho là hoàn toàn không có ý nghĩa, nhân vì thường sanh yếm thế, hoặc trốn tránh quan niệm hiện thật, tự khốn khổ lấy, lại rất có thể có khuynh hướng tự sát.

(4)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ được thiết lập tam bất hủ (ba không hủ bại. Tại Trung Quốc có học thuyết tam bất hủ tức là [lập đức, lập công, lập ngôn.] Lập Đức nghĩa là phải có nhân cách hoàn bị; Lập Công là đối với quốc gia thiên hạ kiến lập công to lớn và kiến lập sự nghiệp vĩ đại; Lập Ngôn là dùng văn chương diễn tả khí thế trung thành mạnh mẽ truyền đời. Đại khái con người chí sĩ có nhân từ của Trung Quốc, đại đa số là tận lực nơi tam bất hủ bại này, tức là khiến lao thân, lao sức, lao tâm, nhận lãnh các thứ gây chiến thống khổ, do mưu tính tại chỗ. Chỗ gọi là: [Kẻ sĩ thì dùng thân liều chết vì danh, kẻ sĩ thì dùng thân liều chết vì gia đình.] Nhân sanh quan của những thứ người đây, chủ yếu chính là có thể lưu tiếng thơm vạn đời, gọi là truyền đến đời sau không hủ bại. Nó

đối với xã hội có nhất định công hiến, nhưng đối với vấn đề sanh tử lại chưa chắc có thể đủ để giải quyết.

(5)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là tin có thiên thần. Họ nhận cho bên ngoài của nhân sanh có một thiên thần sáng tạo của vạn hữu, nhân loại tổ tiên cũng do thần này sáng tạo, tất cả vũ trụ thế gian đều do thần này sáng tạo cùng làm chủ tể. Cá nhân thiên thần đây ở Ấn Độ gọi là [Phạm Thiên Đại Thần], nơi Gia Tô Giáo xưng là [Thượng Đế], tại Hồi Giáo xưng là [Chân Thần], giáo đồ của chúng nó chấp nhận nhân sanh chính do thiên thần cho vinh quang mà sanh tồn. Nhân đó, thứ người đây đem vấn đề sanh tử của chính mình hoàn toàn giao phó cho chúng thần kia đi giải quyết.

(6)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là luân lý đạo đức. Nho Gia có tam cương ngũ thường, tứ duy bát đức, do đây hành trì, người nhỏ có thể dùng nó để tu thân tề gia, người lớn có thể dùng trị nước bình thiên hạ. Chu Tử nói: [Phụ tử có tình, quân thần có nghĩa, phu thê có biệt, trưởng ấu có tự, bằng hữu có tín.] Mà tại phương diện đạo đức học thuật có chỗ thành tựu, chính có thể dùng duy trì địa vị của tự mình, nếu có thể bảo tồn nhân cách, chúng nó lại cho là vấn đề nhân sanh đều có thể giải quyết.

(7)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là vô vi nhậm hóa. Đạo Gia cho vô vi biến hóa làm tiêu chuẩn, nhân sanh đến từ vô thi, chết cũng vô chung, tại đây trong nó của vô thi vô chung, mới sanh mới diệt, mới diệt mới sanh, các thứ biến hóa, nên quán vạn vật, mặc tình nó biến hóa, không suy nghĩ thêm. Tất cả là vô vi, cố nhiên có thể đều là như thế. Chỗ gọi: [Ban đầu của trời đất không có tên, mẹ của vạn vật có tên.] Cần yếu con người thường xuyên phải trải qua quán chiếu sự mâu nhiệm của nó, thứ vấn đề của nhân sanh đây nên xem để giải quyết.

(8)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là Phật Giáo. Phật giáo đối với bảy hạng người nói trên xem cách thức nhân sanh quan của họ đều rất không mãn ý. Phật giáo nhận thấy cho sanh mạng là thuộc nơi đó đây của hình sắc, còn tâm niệm là thuộc nơi vọng tưởng phân biệt, hai thứ đây đều có sanh diệt. Dùng pháp sanh diệt đi tu thì không pháp nào đạt đến lý vô sanh. [Kinh Lăng Nghiêm] nói: [Nếu ở nơi chỗ dùng tâm sanh diệt để tu nhân, mà cầu Phật thừa không sanh

không diệt, không có chỗ như thế.] Do nơi thứ nhân như thế thì tất nhiên đặng kết quả như thế, con người đã có sanh tất nhiên có thống khổ. Lão Tử cũng nói: [Ta sở dĩ có đại hoạn là vì ta có thân, ta nếu không có thân làm gì có đại hoạn?] Phật giáo nói nhân sanh có rất nhiều thống khổ, nói tóm tắt có tám thứ khổ:

1/- Sanh khổ: Nhân sanh trở xuống đều thọ khổ, như bé nhỏ mới lọt lòng mẹ liền khóc, nhân vì da thịt của nó mềm mại, vừa tiếp xúc thế giới bên ngoài gặp gió lạnh, bị khổ giống như dao cắt.

2/- Già khổ: Từ thiếu niên đến tráng niên, do tráng niên đến già cả, tuổi già dần dần, tóc bạc mặt nhăn, tai điếc mắt mờ, răng hàm rụng hết, bước đi lụm khụm, đối với nhân sanh, đã không lạc thú.

3/- Thống khổ: Tứ đại không điều hòa, bệnh tật giao tiếp đau đớn, sầu lo tha thiết bị ai, thay đổi trở nên rên riết.

4/- Tử khổ: Hoặc nhân vì bệnh tật thọ mạng kết thúc mà chết, hoặc gặp hoạn tử bởi tai ương nước, lửa, gió. Chỗ gọi: [Một ngày vô thường đến, mới biết người trong mộng, tất cả đều mang đi bỏ, chỉ có nghiệp theo thân.]

5/- Ái biệt ly khổ: Nhân vật và tài vật của mình yêu thương không được cùng ở chung một chỗ, sanh ly tử biệt, kết cuộc đều trở về không.

6/- Oán tắng hội khổ: Thù oán căm ghét nhau mà cứ gặp nhau mãi là khổ. Người của mình thù oán căm ghét, nguyện không muốn thấy mặt, nhưng vẫn gặp lại nhau, mà còn thường ở chung chỗ.

7/- Cầu bất đắc khổ: Tất cả người và vật trong thế gian, trong tâm chỗ thương yêu, tận dụng tâm tính toán, mong cầu mà không được.

8/- Ngũ ấm sí thành khổ: Tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không luận ở trong nhục thể và trên tinh thần đều có khổ sở, sí thành là tức giận, khổ như lửa thiêu đốt.

Tám thứ khổ nào như trên, chính hoàn toàn do nơi đời trước tạo nhân ác, đời nay nhất định thọ quả ác. Cổ đức nói: [Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh

lai tảo dữ lai trì.] (Thiện ác đến cuối cùng kết cuộc có báo ứng, chỉ giành nhau đến sớm hay đến chậm). Muốn tướng không thọ quả khổ, thì đầu tiên cần không tạo nhân ác. Cứu cánh cái gì là căn nguyên của khổ? Chính là khát ái, dục vọng, tham lam, ái trước, nếu có thể triệt để diệt trừ nhân khổ của khát ái, buông bỏ nó, trừ bỏ nó, xa lìa nó, ngừng thôi nó, đem tất cả dục vọng hoàn toàn tịch diệt. Chánh niệm khởi, vọng niệm trừ, làm sao vĩnh viễn không gặp trở lại để phải nhận tám thứ hoàn toàn thống khổ này. Muốn tướng đoạn trừ tám thứ nhân thống khổ, tất nhiên nhất định cần phải dùng đến chí thành khẩn thiết để tâm triệt để huấn luyện tịnh hoá chính mình, mới có thể thu hoạch được tự do và giải thoát.

Phật trước khi nhập diệt, A Nan hỏi Phật: [Khi Phật tại thế, chúng tôi nương nơi Phật mà trụ, Phật sau khi bỏ đời, chúng tôi nương ai mà trụ?] Phật trả lời A Nan: [Ta sau khi bỏ đời, các ông nên nương nơi tứ niệm xứ mà trụ]. Do đây có thể biết, tứ niệm xứ nơi phương diện tu đạo, rất rõ ràng chiếm lấy địa vị trọng yếu. Tứ niệm xứ là: (1) Quán thân bất tịnh, (2) Quán thọ thị khổ, (3) Quán tâm vô thường, (4) Quán pháp vô ngã. Nhân vì chúng sanh nơi trong năm ám của sắc thọ tướng hành thức, trải qua thường sanh khởi bốn thứ điên đảo, dùng sắc thân bất tịnh làm cho thanh tịnh, dùng cảm thọ thống khổ làm cho an lạc, dùng ý niệm và hành động trôi chảy không dứt cho là thường, dùng tâm đối cảnh tác dụng sanh khởi thiện ác cho là ngã. Có bốn thứ điên đảo vọng tưởng đây, lại sản sanh một thứ nối kết xuyên suốt đó là ưu bi khổ não và tai nạn khó xử, ngã Phật nhằm xem xét không có chánh tri kiến của chánh nhân, cho nên nói ra phương pháp của tứ niệm xứ, cần yếu người quan sát kỹ lưỡng, thân là không thanh tịnh, thọ là không khoái lạc, tâm là không thường trụ, trong pháp đều không có ngã. Người đời quả có thể tiêu trừ bốn thứ điên đảo vọng tưởng đây, tất cả ưu bi khổ não, lại không gặp sản sanh, còn có thể thâm hoạch được thường lạc ngã tịnh, khoái lạc chân chánh.

Lược Thuật Tứ Niệm Xứ.

(1)- Quán Thân Bất Tịnh.

Thân thể của con người, có ngũ tạng lục phủ, mủ máu gân xương, da lông tóc móng, trong thân có 36 vật, đều là giống nhau không thanh khiết, bao gồm có năm thứ bất tịnh: (a) Sanh chỗ bất tịnh. Ở trong bụng mẹ, trụ nơi sanh tạng, phía dưới thực tạng, sau khi trải qua mãn mười tháng, từ âm đạo sanh ra. (b) Thứ con bắt

tịnh. Vào thai bắt đầu kết thành, ôm lấy tinh cha huyết mẹ, đỏ trắng hai giọt, máu mủ như nhóp, hỗn hợp tạo thành. (c) Tướng ngoài bất tịnh. Con mắt có nước mắt, lỗ tai có cút ráy, lỗ mũi có nước mũi, miệng có nước miếng, thân có bùn đất, mùi hôi nơi thân xông ra, con người không tự biết. Trong bốn tánh bất tịnh trên từ ác nghiệp của con người bất tịnh mà sanh, cho nên sau khi sanh ra, lần hồi tiếp xúc ngoại cảnh, tự nhiên sản sanh các thứ khát ái năm cứu cánh bất tịnh. Nghiệp báo của con người kết thúc, củi hết lửa tắt, chỉ còn lại một trần chính là bất tịnh.

(2) Quán thọ thị khổ. Thọ là tiếp nhận, năm căn khi đối với năm trần tiếp nhận những cảnh thiện ác, tốt xấu, khổ lạc vân vân, nhân sanh chỗ tạo tác tất cả sự sự vật vật không chỗ nào là không thọ khổ. Thí dụ như, đi bộ quá lâu có thọ khổ mệt mỏi đừ người; đứng mãi quá lâu có thọ khổ chân tê cứng đờ; ngồi quá lâu có thọ khổ làm cho tê liệt; nằm quá lâu có thọ khổ hôn trầm đần độn. Ăn cơm ít thọ khổ thấy đói, ăn cơm nhiều thọ khổ quá no; áo mặc nhiều thọ khổ quá khô da; áo mặc ít thọ khổ lạnh buốt. Chồng vợ con trai con gái, sanh hoạt gánh vác lẫn nhau, cảm tình bỏ xuống tội lỗi, tranh cãi phun nhả xú khí, tứ đại bất hòa, tùy thời sanh bệnh, ngoảnh lại đây mất nơi kia, ưu sầu thành bệnh, sanh ly tử biệt, kinh hoàng thảm hại thành bệnh, kêu trời dậm đất, không pháp hình dung; bỗng nhiên nhân gian có niềm vui, nhưng niềm vui ngắn ngủi vô thường, vui quá lại cảm giác đau khổ.

(3) Quán tâm vô thường: Người tôi hiện tiền một niệm vọng tâm, quên đông quên tây, sát na không dừng, phạm tình tâm thô, không dễ phát hiện. Kinh nói người tôi, một niệm gồm có 90 sát na, một sát na có 900 sanh diệt. Tịnh tọa chốc lát, mới biết vọng niệm như giòng nước lũ, nhân tâm khởi diệt, không gian thời gian, tất cả vạn vật, tùy theo đó di chuyển, nếu có thể đem tâm tất vọng đây ngừng lại, vũ trụ vạn hữu cũng tùy theo đây đình chỉ. Kinh Lăng Nghiêm nói: [Một người phát hiện chân lý trở về nguồn cội, mười phương hư không, tất đều tiêu diệt.] Đại sư Vĩnh Gia nói: [Trong mộng rõ ràng có sáu cõi, sau khi giác ngộ không, không cả không đại thiên.] Thời hư không đại địa đây còn không thể được, lại có cái gì cần thọ sanh trụ dị diệt, dài ngắn vuông tròn, để tất cả đều về nơi đại hải tịch diệt.

(4) Quán pháp vô ngã. Chũ pháp bao quát gồm có, thế gian pháp, xuất thế gian pháp, hữu vi pháp, vô vi pháp, tương đối pháp, tuyệt đãi pháp, thiện pháp, ác pháp, tất cả các thứ pháp, đều bao quát ở trong. Trong thân các pháp vô ngã, ngoài thân

các pháp cũng vô ngã. Nơi ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại, trong tất cả pháp đều kiếm không được một cái ngã của chủ thể, cho nên nói con người vô ngã, nhân ngã chỉ là một thể giả. Giả có ba thứ, 1> Đòi trước hành nghiệp, thác sanh vào cha mẹ, là nguyên nhân thành giả. 2> Là theo thai tương tục, dẫn đến bạc đầu, là tương tục giả. 3> Là dùng thân cư xử không phải thân, tức là tương đãi giả, giả đây chính là không.

Nhân sanh quan của Phật giáo, tức là dùng quán huệ của tứ niệm trụ đây, chỉ trụ nơi bốn cảnh của thân thọ tâm pháp, không khiến bốn thứ vọng tưởng sanh khởi, thì có thể phá trừ ngã chấp; nếu có thể chứng đến lý ngã không, tức có thể lìa khổ đặc lạc, chuyển phàm thành thánh, đây là thuộc nhân sanh quan của người Phật giáo tiểu thừa. Còn nhân sanh quan của người Phật giáo đại thừa là dùng tứ vô lượng tâm từ bi hỷ xả, rộng độ chúng sanh, ái niệm chúng sanh, cũng như con của mình, thấy người họ khổ, cảm đồng thân thọ. Chỗ gọi: [Chúng sanh độ hết, mới chịu chứng quả bồ đề.] Kinh Hoa Nghiêm nói: [Không vì thân mình mà cầu an lạc, chỉ nguyện chúng sanh được lìa khổ.] Thứ tinh thần đại vô úy đây, đều không phải chúng sanh phàm phu và người tiểu thừa có thể phân biệt đến được, cho nên khi Phật còn tại thế nói pháp, nhiều lần thường khen ngợi người đại thừa mới là con chân chánh của Phật, người tiểu thừa chỉ là con thứ; con thứ không thể dùng kế thừa vương vị, con chính là do chánh thể sanh ra, mới có thể kế thừa vương vị. Vì thế Kinh Pháp Hoa nói: [Đây là con thật của ta, là cha thật của ta, nay ta đã có tất cả tài vật đều là con ta có.] Tài vật đây tức là thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp, vô lượng công đức thần thông diệu dụng của Phật. Từ đây trở lên mới là nhân sanh quan chân chánh của Phật giáo.

2.- Phước Huệ Cùng Nhân Sanh.-

Con người sống ở thế gian, rất trọng yếu mà không thể thiếu đó là áo mặc, cơm ăn, nhà ở, sinh hoạt, không luận nam nữ già trẻ, giàu có, sang trọng, nghèo hèn, bần tiện, sống lâu cùng khó, hiền ngu đẹp xấu, đều cần nương nơi bốn sự việc đây mới có thể sinh hoạt. Nhân đây, phàm con người mỗi mỗi nhiều năm nhiều tháng, sớm đi chiều về, lao thân khổ trí, đông bôn tây chạy, đều làm cho đầy đủ nhu cầu cơ bản của con người.

Một sớm người đói được ăn, người lạnh được áo, người mệt được nghỉ, an ổn

trôi qua, sinh hoạt bình thường, nhưng đã được Lũng Sơn (Lũng Sơn nằm giữa hai tỉnh Thiểm Tây và Cam Túc, Trung Quốc) lại trông mong nước Thục (Nước Thục là một trong Tam Quốc: nước Thục, nước Ngụy, nước Ngô), không cho là đủ, lại cầu nhà lầu xe hơi, áo gấm ăn ngon. Kinh nói: [Người biết đủ, tuy nằm trên đất, cũng cho an lạc, người không biết đủ, tuy chõ thiên đường, cũng không vừa ý.] Do đây có thể thấy, dục không ngừng nơi cảnh, nếu cầu không được, mới trên khổ cộng thêm khổ. Có người tưởng cần yếu đạt đến mục đích, đến nỗi trộm cắp cướp đoạt, lừa dối người đời, tế thần lạy quỷ, cầu cơ hỏi bói, xem tướng đoán mạng, kết quả muốn tích trữ nhưng không thể thu hoạch được từ nơi tâm, đông tây thành tựu, nhân đây thần mất khí tan, sâu khổ dung chứa đầy mặt, chọn ngày không là quái lạ oán trách chính mình con đường số mệnh quá nhiều không may, lại còn oán trời trách người.

Kỳ thật, nhân vì con người không có sáng suốt để tự hiểu biết, không nhìn xa hiểu rộng, lực lượng thù thắng của con người đối với thiên địa quỷ thần, là tài ba xuất chúng, chân chánh có thể tự dùng kéo lại vận mệnh ác liệt của chính bản thân mình. Lý do con người bỏ gốc theo ngọn, chạy theo hướng đường tà, giống như cát vốn không phải cơm, lại muốn thành cơm ngon, dầu cho dù trải qua kiếp trần, cơm cũng không được thành công. Xưa có nói: [Trời tạo tai họa còn có thể thao túng; tự tạo tai họa không thể sống.] Do đây có thể biết, kiệt hưng họa phước của con người, sống lâu hay cùng thông, hoàn toàn ở nơi cá nhân đem bảo trì cùng thao túng, đều không phải người thế tục có thể giải thích, thế nên họ cho là [Sống chết có mạng, giàu sang do trời.] Giải thích như đây tùy tiện không tiêu chuẩn, đều là giải thích sai lầm.

Nhân sanh ở đời, đã có cần yếu như cơm ăn áo mặc nhà ở chỗ sinh hoạt, chính được nương tựa nơi thiên thời địa lợi, ngoài ra còn khổ tâm chí, lao sức gân cốt, mới thu hoạch được nhà lộng lẫy, kho chứa to lớn, ăn no đủ mặc. Chu Thư có nói: [Nhà nông không sản xuất thì cơm thiếu ăn, công nhân không sản xuất thì mọi việc đều thiếu, sĩ phu không sản xuất thì ba điều quý (phước, lộc, thọ) mất hết, thương gia không sản xuất thì tài sản hao mòn.] Tuy nhiên đạo lý giảng như thế, nhưng trên sự thật rất kỳ quái, có người sanh ra, không động lao một sợi lông, lại thu hoạch được mặc đẹp ăn ngon, phú quý kề bên người; ngược lại có người suốt ngày chạy ngược chạy xuôi, phong trần lao khổ, hoàn cảnh khó chống lạnh, miệng khó chống đói, giường không được ấm, chăn không được êm, quả như đem hai hiện tượng

đây so sánh, [Đều tận khả năng, đều muốn nhu cầu] nhưng cách ngôn của đại đồng, dường như không thể trình bày hoàn mỹ.

Nhân vì chúng ta chú mắt cùng thấy, không luận nam nữ già trẻ, phú quý nghèo hèn, người ai không là ở nơi cần cù tận tụy, đều tận sức của mình, để mưu kế sanh tồn; lại có hạng người vàng ngọc đầy nhà, hoa trời rượu đất, nhưng có người nghèo rớt mòng tơi, không chỗ nương tựa, do đây có thể thấy, đều không phải hoàn toàn nhờ tự lực mới có ăn, mà phải nhờ tâm ý quyết định đâu đó đầy đủ mới được an cư lạc nghiệp. Cố nhiên sách nói rằng: [Người khéo léo có dư, người đần độn không đủ.] Nhưng đây không thể bảo chứng người khéo léo quyết định có dư, người đần độn tất nhiên không đủ. Thí dụ như Tử Nha cùng Quán Trọng, đều có tài nhấc lên trời đào xuống đất, nhân vì thiếu niên thất chí, nên nhận đầy đủ khổ não khôn thiếu. Đề cử thêm, Lưu Thiên cùng Tấn Huệ Đế đều là đần độn, tài không chịu được, nhưng nó có thể kế thừa phụ vương làm Quốc Chủ, ăn uống đều là trăm vị trân quý, ở thì chỗ Cung Điện Đường Hoàng, mặc thì áo lông cừu ngàn vàng, ngồi thì bao vây chung quanh cung nga mỹ nữ lôi kéo, tam cung lục viện, 72 cung nữ đầy đủ. Do đây lại biết, tuy nhiên tự mình có thể khát khao thao túng tất cả vận mệnh thiện ác của người khác, nhưng lại người khác cũng có thể chi phối tai họa phước lành của mình.

Tuy nhiên định luật tự làm tự chịu, đều không phải người tâm thần bề ngoài, có thể dòm thấy nơi một phần rất nhỏ, nhân vì mỗi người chỗ tạo tác nghiệp nhân thiện ác, lại có ngàn sai vạn biệt, nhân tâm không đồng giống như mặt nó, nghiệp quả không đồng giống như tâm nó. Có người tạo nghiệp đời trước trước khi sanh, đời nay sanh để thọ báo, có người đời nay sanh tạo nghiệp, đời sau sanh thọ báo, cũng có người đời nay sanh tạo nghiệp, nhiều đời sau sanh thọ báo. Phải biết, đời trước lại có đời trước nữa, đời sau lại có đời sau nữa, Đã có đời trước cùng đời sau vô cùng vô tận, đương nhiên đã có nhân quả cùng báo ứng cũng vô cùng vô tận.

Nhân đây, chúng ta cần tưởng đến lia khổ được vui, chuyển hóa tinh thần tội lỗi trở thành cát tường hòa nhã, chính là nên trồng cây phước tu dưỡng cây thiện, rộng tích trữ âm đức. Giả sử gặp thấy riêng người nghèo bệnh vừa vừa, hoặc hiểm ác vĩ đại ập lên đầu, cho dù khổ nạn không đủ sức cứu vãn người kia, nhưng cũng cần sanh khởi tâm đồng tình, tâm lân mẫn, tâm thí xả, tâm cứu hộ, nhờ những tâm sanh thiện trên, nên phước đức càng ngày càng tăng. Người đời không rõ lý này,

khi chọn làm đã không xả tài, lại chưa làm lợi cho người sao lại có được phước đức? Phải biết Ngã Phật có nói, người người vốn đầy đủ vô lượng tánh công đức, có tu thì hiển bày, không tu thì ẩn nấp, hiện tại giả như người kia sanh thiện, tức là tự tánh hiển bày phước đức. Nếu lại nữa lợi đem tài riêng của mình cứu giúp sanh mạng người kia, người kia và đây cả hai đều thu hoạch được lợi ích, nếu như mình có tâm mà không có sức, tuy nhiên đối với người kia không có lợi ích, nhưng có thể riêng mình được phước, cũng như dùng đèn đốt đèn, sau khi đèn của mình cháy sáng tỏ cùng đèn của người kia đều không tổn giảm. Nếu người có thể đem phước đức trí huệ vốn đầy đủ của tự tánh, tu tập lại tu tập, hiển bày lại hiển bày, tích lũy qua năm tháng, hạnh tròn đầy quả viên mãn, công đức pháp tài, tự có thể toàn bộ sáng tỏ rục rờ, lúc này đủ khả năng dùng chuyển hóa sông dài làm bờ sửa, biển đại địa thành hoàng kim, lấy không hết, dùng không cùng. Dụ như Phật đà từ vô lượng kiếp về trước, năng làm những việc khó làm, năng nhẫn những việc khó nhẫn, như xả thân cho cọp ăn, lóc thịt cho chim đói, do đó mới có trăm phước kết tập đầy đủ ngày nay, vạn đức trang nghiêm, theo tánh hiển hiện, biểu lộ không sót.

Nếu tâm có thể đủ để bồi đức và trồng phước thì thân thể tự trở nên chân chánh và cường tráng, nghiêng về cát tường, tự hiềm hung bạo, chuyển họa làm phước, áo mặc, ăn uống, nhà ở, sinh hoạt cũng tùy theo đó mà đến. Tâm khi tu thiện, chính thuộc về đạo đức, nếu có đạo đức, tất nhiên có phước khí, nếu có phước khí, tất nhiên hành động vận dụng tốt. Khá nên là cần có hồng phước, vì chưa có trí huệ như biển để khai lộ tiên phong; nhưng nếu bị sa ngã vào hầm hố, lâm vào lối rẽ, không là keo kiệt không chịu buông xả, lại còn xa xỉ dâm dăng, không phân phải trái trắng đen, nặng nhẹ đảo ngược, đây có tạo tác, đều là ác hạnh, nhưng không chịu kính trọng người. Nhân đây, sau khi có phước, nhất định cần phải có trí huệ, mới có thể tôn nghiêm đốn chánh, là người thượng nhân. Người phải đầy đủ hai thứ phước huệ, mới được gọi là Thế Tôn, trí có khả năng phân tích thiện ác tốt xấu, là không phải tà chánh, cho nên cần phải tìm cầu trí huệ, để tạo dựng làm căn cơ. Đây là nhân sanh ở đời, lập thân hành sự là tông chỉ cụ thể.

3.- Phước Huệ Cùng Thiện Ác.-

Chính con người trong [Kinh Kim Cang] nói: là một trong 12 loại chúng sanh, bản chất của nó, do các duyên hòa hợp tạo thành, các duyên một ngày nào đó phân tán, sanh mạng cũng cáo chung kết thúc. [Kinh Lăng Nghiêm] nói: [Nhân duyên hòa

hợp, hư vọng có sanh, nhân duyên biệt ly, hư vọng gọi là diệt.] Do đây có thể biết, nhân sanh của người tôi, thân thể bên trong và thể giới bên ngoài, chỗ thấy của con mắt, chỗ nghe của lỗ tai, tất cả vạn sự vạn vật, chẳng qua do hư vọng mà sanh, huyền hóa không thật, như hoa đóm trong hư không, như mặt trăng trong nước, vốn không có thật, đây chỉ duy có Phật giáo triệt để mới hiểu rõ sáng sủa mà thôi.

☞Trung Quán Luận☞ nói: [Các pháp không tự sanh, cũng không từ người khác sanh, không chung nhau sanh mà cũng không không có nhân mà sanh, cho nên nói vô sanh.(Bản tánh của các pháp kể cả con người có từ vô thi, không có vấn đề tự sanh, mới sanh.....cho đến không nhân để sanh).] Lại nói: [Đã sanh không có sanh, chưa sanh cũng không sanh, đã lìa sanh chưa sanh, sanh thời tức vô sanh.(Như đã giải thích ở câu trên, đã có mặt từ vô thi, không có vấn đề đã sanh, có sanh, chưa sanh.....cũng không có danh từ sanh và vô sanh).] Do đây chứng minh vững chắc, có thể nói rõ, bản tánh của con người, không sanh không diệt, thường trụ sáng sủa, chân thật trong sạch tròn sáng, không biến đổi.Người thường không biết, nhận cho người tôi, sau khi lọt lòng mẹ, gọi là [sanh]. Hình trạng diện mạo hài nhi mới sanh, gọi là sanh tướng, không biết sau khi lớn lên tướng mạo thay đổi, sanh tướng tức là không còn. Nếu như nhận cho là trước khi chưa ra khỏi thai, gọi là sanh tướng, theo thường thức thì không phù hợp. Người tôi nên biết, tướng mạo của tôi sanh sống, nơi đã sanh và nơi chưa sanh, hai thời gian đó, đều có thể được vậy không. Phàm sự vật có sanh thì có diệt, thể của nó còn không có sanh, sao lại nói có diệt. Cho nên luận nói: [Đã lìa sanh và chưa sanh.] cho nên nói vô sanh. Câu thứ tư nói: [sanh thời tức vô sanh.] nơi biểu hiện bề mặt xem thấy dường như tự tướng có mâu thuẫn, trước sau không có phù hợp. Kỳ thật, nơi bản thể pháp tánh mà nói, sanh không sanh tướng, diệt không diệt tướng, mà lại sự việc sanh sanh diệt diệt không ngăn ngại, đâu có phải khi sanh tức là không sanh. Nhân vì các Phật Thánh, do tu mà chứng đắc, thanh tịnh bản nhiên, tánh tịnh minh thể, tánh thể thấy thấu suốt, không sanh không diệt, không nhân không ngã, không nhân không quả, không thiện không ác, vĩnh viễn giải thoát lục đạo, được đại tự tại.Phàm phu thì không như thế, từ vô thi đến nay, vô minh che lấp, thời gian lâu dài trầm luân theo âm thanh sắc tướng vật dục,nơi chân thể pháp tánh, chỉ thấy có sanh có diệt, có sống ngàn tuổi, có hiền có ngu, có quý có tiện, có vọng tưởng điên đảo, tất cả đều đầy đủ.

Tổng Quan Kinh Luận Chí Lý, Thánh Phàm phân hai con đường, đều do tâm

thiện ác tăng giảm gây ra. Nhân đây chúng ta nếu dùng tâm thiện, tức người thuộc bậc trên; nếu dùng tâm ác, tức người thuộc bậc dưới. Thế Tục Y Bốc Tinh Tướng Chi Thư nói: [Hữu tâm vô tướng, tướng tùy tâm sanh, hữu tướng vô tâm, tướng tùy tâm diệt. (Có tâm mà không có tướng, tướng theo tâm sanh ra, có tướng mà không có tâm, tướng theo tâm tiêu diệt).] Cũng có lý của nó. Do đây mà quán nó, kiết hung họa phước của thế gian, sống lâu bền cùng, chủng tộc quý tiện, vinh nhục đặng mất, nó đã từng không ngoài bản tâm thiện ác tăng giảm mà thôi. Thiện tăng lên là được phước đức trường thọ vinh hiển; ác tăng lên là thiên tai, họa ác, thấp hèn, vinh nhục, mất mát. Đây là do sĩ phu của Phật pháp minh bạch cụ thể, không cần phải cầu hỏi thầy bói họa phước, cũng không cần hỏi thần linh cầu phước, ngược lại chỉ quán tự tâm thiện ác, tâm thiện thì tất cả đều tốt, tâm ác thì tất cả đều hung dữ. Tục ngữ có nói: [Phước đến thì tâm linh.] Đây chính là thiện niệm thúc đẩy tâm linh cảm sáng suốt phát huy.

Nơi Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo, và mỗi đạo có Tông giáo riêng, ai cũng đề xướng con người cần yếu phải hành thiện, xả kỷ để làm người. Chỗ gọi: [Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương. (Nhà tích trữ điều thiện, nhất định có dư phước, nhà tích trữ điều bất thiện, nhất định có tai ương)] Đây là định luật ngàn xưa không thể dời đổi. Trông dưa đặng dưa, trông đậu đặng đậu, nhân quả báo ứng, như ảnh theo hình, ai có thể không tin. Nhân đây đến chỗ dựa vào huyền bí [Làm lành rất vui] bốn chữ lớn đây, ý của bốn chữ đây nhằm để thức tỉnh con người, cần tưởng đến an cư lạc nghiệp, đầu tiên cần chánh cái tâm, tâm chánh thì thân tu, thân tu thì tề gia, tề gia thì trị nước, nước được trị thì sau đó thiên hạ thái bình. Người đời đã nói [Làm thiện rất vui], cũng nhất định có [Làm ác rất khổ.] đây là nguyên lý tồn tại, nhân vì không có [Làm ác rất khổ], thì tuyệt đối hiển nhiên không ra đạo lý [Làm thiện rất vui], hai câu đây tất nhiên nhất định lẫn nhau sanh lẫn nhau diệt, tương đối thành lập. Chỗ gọi: [Đây có nên kia có, đây không nên kia không.] Lý của hai câu đây, tuy nhiên đối chiếu nhau để đánh giá, nhưng hết sức kỳ lạ, đều dựa vào một phương diện huyền bí [làm thiện rất vui], dường như chưa từng thấy nêu lên một phương diện là [Làm ác rất khổ], đương nhiên lý đây không khó thấu hiểu, nhân vì người đời thời nào khắc nào cũng hoan hỷ điều vui, chán ghét điều khổ, không phải chỉ thấy thống khổ như oan gia, chính là một chữ khổ cũng không đề cập, lý do ai ai cũng vui mừng khi nói đến cát lợi, nhưng không thích nghe tiếng nghịch tai, dường như có thể tránh né không chịu nghe các điều thống khổ. Kỳ thật không phải như thế, chính vì người đời

không từng đi sâu nghiên cứu căn nguyên của cái khổ, cho nên mới nhận chịu các thứ thống khổ, giả sử đại gia có thể đủ nhìn xa căn nguyên của giải khổ, dùng sức trí huệ đem chém đứt căn nguyên của cái khổ, thử hỏi thống khổ lại phát sanh từ chỗ nào? Nhân đây chúng ta cũng đem [làm thiện rất vui] phản lại phương diện đạo lý [làm ác rất khổ] để thường cảnh giác người đời. Giả sử người đời sợ quả khổ, tức không nên mắc nợ giống nhân khổ, nhân khổ không giống thì quả khổ không thành.

Ở đây đầu tiên giải thích hai chữ thiện ác, thử hỏi đại gia nhận biết sao là thiện, sao là ác? Thật tại thiện ác không có tiêu chuẩn nhất định. Nếu người dùng dao gây là thuộc nơi đồ hung dữ, nhất định là ác, giả sử lợi dụng dao gây đi cứu mạng sống, tức biến thành là việc thiện; nếu người dùng tiền của là thuộc nơi thiện tốt, gọi nó là thiện, giả sử lợi dụng tiền tài đi giết mạng sống, tức biến thành việc ác. Do đây chỉ là một việc, thí dụ đề cử tất cả, không có giống nhau là thuộc nơi thiện, hoặc thuộc nơi ác. Thật tại thiện ác do tâm mà phát sanh, tâm muốn thiện thì tất cả đều biến thành thiện, tâm muốn ác thì tất cả đều biến thành ác, thiện ác tại tâm, không tại nơi vật, do đây mà luận, tất cả thiện ác đều do tâm làm chủ, vật ngoài đều theo tâm mà chuyển đảy thôi.

Đối với triết lý của [Làm thiện rất vui], nơi đây xin đề cử thí dụ, giả như người tôi theo thời theo chỗ, thành linh thấy có người gặp tai họa rất nguy hiểm, sát bên cạnh bờ vực thăm hồ sâu, kịp thời tôi chạy đến gấp cứu được một sanh mạng. Chỗ gọi: [Cứu một sanh mạng thù thắng hơn xây bảy cấp chùa chiền.] Thử tưởng tượng, tâm mình nợ phước đức hưng thịnh cao như thế nào, khả năng suốt ngày biểu lộ nét mặt vui mừng rõ ràng, cộng lại hiểu biết tự mình đã làm một việc to lớn bằng trời đã cứu một mạng người bên bờ vực thăm. Phải biết thân thể do tâm làm chủ, tâm khi khoái lạc thoả thích, tự nhiên ảnh hưởng đến tỳ mạnh khoẻ và vị khai mở, tâm an tịnh, thần yên tĩnh, ngủ nghỉ an ổn, tâm mở rộng, thân thể thoả mái. Người đây đã có thể tâm lý được bình an, hoan hỷ nơi tâm, tất nhiên [bên trong có những gì thì sẽ hiện hình ra bên ngoài.] Trên mặt khi thường hiện dung hoà hoan hỷ, có thể nói người thấy người vui, thân thuộc xem trọng, bằng hữu kính ngưỡng, ở bậc trên tất nhiên được kẻ dưới kính trọng, ở bậc dưới tất nhiên được cấp trên che chở, nhân vì thiện lạc, đức dày chở phước, cho nên có thể đủ sống thọ, giàu có đầy đủ, không gặp ác vận, gặp hung hóa kiết, gặp nạn thành an lành.

Nguyên lý ngược lại chính là [Làm ác rất khổ.] Mặt đây cùng mặt trước phản nghịch nhau. Giả như người tôi vô cớ giết hại mạng người, tâm của họ có nợ với tôi như thế nào mà tôi phải ưu lo. Không luận người kia hung ác ra sao, hoặc tâm xấu như thế nào, nếu tôi làm những việc trái trời nghịch lý thì tôi nhất định tâm hốt hoảng, thịt run, sợ hãi dị thường, khi ăn cơm nhắc đến ruột treo, ngủ luôn nằm ác mộng, ăn không ngon miệng, ngủ không an giấc, đi đứng ngồi nằm đều nghi thần nghi quỷ. Nếu như một cá nhân khi thường tâm bị không an lạc, ngày tháng lâu dài, tất nhiên bị ảnh hưởng đến, nào thì bị thương vị bị tổn, tiêu hóa không tốt, tâm hồi hộp mất ngủ, như thế tích lũy tháng năm, nhất định thể lực suy yếu, mặt vàng bắp thịt teo nhỏ, người thấy người chán ngấy, thân thuộc ghét không quan tâm, bằng hữu không nhìn lại, bạn cùng tài tận, không chỗ kiếm ăn, nghèo bệnh vừa vừa, đói khát bức não, lúc này tuy có từ thân hiếu tử, cũng không thể cứu nhau, nhân vì nhân quả báo ứng, tự làm tự chịu, chính là chư Phật Bồ Tát, cùng thiên địa quý thần, đều không thể cứu vãn một phần rất nhỏ, đây chính là hiện làm hiện báo của [làm ác rất khổ] phần mình nên chịu, không thể chuyển dời cho người khác.

Phân phước của con người, giống như đèn dầu, khi đèn thêm dầu, lửa hoa càng sáng, đèn dầu nếu cạn, ánh sáng lửa liền tắt. Nhân đây chúng ta nên phải thời khắc nào cũng phải tu phước, phát huy niệm thiện trong tâm, thật hành tu phước, không ai hơn, kính trọng sư trưởng, cúng dường Tam Bảo, in khắc kinh Phật, tặng y thí thuốc, cứu tế tai ương, trai giới phóng sanh, tu kiêu bồi lộ vân vân, tạo những việc lành đây, tức là tu phước, sống lâu như ánh sáng, phước như ngọn lửa, nhất định dài lâu. Ngược lại, sát sanh hại mạng, tổn người lợi mình, tìm cầu vật dục, già gian xảo, làm loạn to lớn, đầu cơ thủ lợi, sai lầm giả trá, lừa dối phỉnh gạt ganh tị hiềm năng vân vân, tức là làm ác, đây có ác nghiệp, như dầu khô lửa tắt, sống mà bình khổ họa đến, chết mà đọa lạc ác đạo.

Có phước mà không huệ, dù cho có khả năng sống trường thọ, cũng là thiếu sót, nếu là giàu có mà bất nhân, khiến người khinh thường, danh xấu ngàn thu, ác thông suốt đầy tràn. Phật nói: [Trí huệ như người có mắt.] Một cá nhân nếu như không có mắt, dù cho có thể đi bộ, đường không rõ, tuy khỏi có rớt xuống hầm hố, ngã vào hào thành nguy hiểm. Tất nhiên phải thấy rõ thiện ác, biện minh thị phi, biết gần xa, lường cao thấp, đọc kinh cầu hiểu, đi du lịch trải nghiệm, học rộng nghe nhiều, làm công phu đây, tức là tu huệ, có phước gồm có huệ, tự mình đã có oai có thể quý, có phong thái có thể kính, nhan sắc sáng bóng, khí lực tràn đầy, áo

mặc ăn uống đầy đủ, gia đình hòa thuận, cho dù đến phương nào, thường làm cho mọi người nghiêng thành quý mến, xa thì có thể trông, gần thì không chán, sanh ngày nay thì làm thầy, chuyển đời sau sanh đường lành, đâu không vinh dự sao!

Cần yếu của người tu phước, rất quý trọng tín tâm kiên cố, nỗ lực tinh tấn, ngày lâu tháng dài, phước huệ đầy đủ, tuy không cầu đến, tất cả thuận lợi, tự nhiên vận hành. Không cần cầu thần cầu quỷ, vọng tưởng thăng quan phát tài, cát tường như ý, đông thành tây tựu, một vốn vạn lợi vân vân, đây là tập tục mê tín. Kinh Địa Tạng nói: [Như quả các người sát hại súc sanh, đem đây cầu phước, không những không lợi ích, lại kết tội duyên, chuyển thêm tội nặng.] Các thiện nhân trên, cần cầu ít già bình an, mạng sống trường thọ phú quý, phước huệ song tăng, chỉ có nhờ cây Phật đà khai thị, thật tế thực hành, tích lũy ngày tháng, tự có thu hoạch, được thọ dụng rộng lớn.

Một niệm tâm tánh của con người, có lý có sự. Lý đây, thể tánh không biến, tinh vi rộng lớn, độc nhất không hai, như băng tức nước, thiên đường địa ngục, đều như bào ảnh, làm thiện làm ác, đều không phải thật có. Sự đây, không có một sự một pháp, không hiển bày sáng sủa rõ ràng, như nước kết thành băng, Quy y nhị bảo, tất cả giống như thế (chỉ quy y nhị bảo). Chỗ gọi: [Đều từ nơi pháp giới đây lưu chuyển, cũng đều trở về nơi pháp giới này.] Phạm phu chúng sanh không biết giải thích băng tức là tánh nước, chỉ thấy dụng tùy duyên, không thấy thể bất biến, cho nên từ vô thủy đến nay, thuận theo dòng sanh tử, uốn cong vào thống khổ, làm thiện lên thiên đường, làm ác rớt vào địa ngục, chấp cho là thật có, không hiểu được chân không. Nhân đây Phật đà tạm thời dùng phương tiện, đầu tiên dùng nhân thiên thừa, dạy người tu ngũ giới thập thiện, khiến họ đặng thiện báo nhân thiên. Trong bốn Tất Đàn (Tất Đàn nghĩa là Thành Tựu), gọi đây là thế giới tất đàn, khiến họ sanh tín tâm. Do đây họ dần dần đạt đến làm người tất đàn, gọi là Đới Trị Tất Đàn, cũng gọi là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Trong bốn tất đàn, bao gồm 12 bộ kinh, tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng. Phật vốn không pháp có thể nói, vì có bốn nhân duyên tất đàn, nên cũng có thể nói pháp.

Quả như người người đều có thể các điều ác chớ làm, các điều lành nên phụng hành, lập chánh vị thiên hạ, hành đại đạo thiên hạ, thế giới tự nhiên hòa khí tốt lành, chiến tranh tiêu trừ, mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, ngũ trược ác thế tức thời biến thành thanh tịnh lạc độ!

4.- Phiền Não Cùng Thống Khổ.-

Nhân sanh nơi thế gian, sinh hoạt ăn uống, đón khách đãi khách, giao tế qua lại, mưu sanh sự nghiệp, suốt ngày bận rộn long đong, nơi trung gian của nó, tùy thời tùy chỗ, gặp phát sanh khiến người không vui vẻ bởi phiền não thống khổ. Hoặc nghèo bệnh vừa vừa, đói lạnh bức bách; hoặc kẻ ác yêu quý làm tan nát nhà cửa, kẻ thù gặp nhau; hoặc sanh ly tử biệt, hoặc hồn dẫn dắt vòng quanh trong mộng; hoặc danh lợi lôi cuốn, mưu đồ không thành. Bởi thế dẫn đến ngày thường bị lôi kéo đánh đập mất tinh thần, mặt mày ủ rũ, thậm chí ngồi nằm bất an, thống khổ quên ăn bỏ ngủ vân vân, cuối cùng bức hiếp đến nỗi chạy vào không đường, chỉ có con đường sống tự sát. Phật nói: [Kẻ được thân người, như kẻ sĩ trên tay, kẻ mất thân người như đất đại địa.] Nó khó như thế, sao không trân trọng để mà xem.

Ngã Phật là một đại y vương, có thể trị bệnh về phần nội tạng của tất cả chúng sanh, không luận thân bệnh, tâm bệnh, tóm lại có thể trị tận gốc, như đau đầu trị đầu, đau chân trị chân, mà thầy thuốc của thế tục dĩ nhiên không giống nhau. Cho nên muốn trừ căn bệnh nội kết cơ bản của giới tự sát, tất nhiên phải hiểu rõ lý giải Phật giáo, nhân vì Phật giáo chuyên nghiên cứu tâm lý con người và thái độ của bệnh tư tưởng trên.

Kẻ tự sát, đầu tiên nguyên nhân tư tưởng hẹp hòi, hạn chế cá nhân nơi tiêu thiên địa, họ không biết ngoài tiêu thiên địa còn có đại thế giới trời cao biển rộng. Giả sử gặp đến vấn đề nan giải, phiền não nội kết ứ đọng, liền không thể tự xử. Phiền não thống khổ, đều do tư tưởng hẹp hòi đây sanh khởi. Trên sự thật, chỗ có phiền não thống khổ, giống như hình tượng trong gương, mặt trăng trong nước, có ảnh của nó mà không thật thể, tìm nó hoàn toàn không thể được. Nếu đem tư tưởng hẹp hòi đả phá bỏ ngoài tai, tự quán chiếu tâm nó, tức có thể giải thích phiền não giống như băng, thì thống khổ tiêu tan, trở mình tỉnh ngộ, như nằm mộng được giác ngộ, mở mắt xem đến đại thế giới của trời cao biển rộng, tất nhiên không gặp tầm mắt hẹp hòi. Đông đảo chúng sanh cố chấp kẻ mình thấy thì nhiều, kẻ giác ngộ thì ít, mặc dù kẻ có trí báo cho nó biết đều là hư vô, nhưng người nó cũng kiên trì không tin, vẫn hướng về phiền não thống khổ chui luôn vào bên trong, càng chui càng sâu, kết quả bị trói buộc, không thể tự ra, lún xuống sâu luân hồi, vĩnh viễn chịu sanh tử, đâu có thể không oan uổng?

Tu đạo trong Phật giáo, tức là phương pháp rất tốt để đối trị căn bản phiền não thống khổ. Tu là tu lý, đạo là đạo lộ. Người tu đạo, chính là tu đạo lộ của lý trong tâm. Thí dụ như đạo lộ trong thế gian, đầu tiên cần yếu thông suốt con đường lưu thông không bị trở ngại, nếu như không lưu thông, người và xe bẻ tắc liền ngừng lại xe bị chật nát thành lo âu. Tâm lộ của con người thì cũng như thế, trọn ngày nào ba độc tham sân si làm trở ngại, tâm lộ bẻ tắc, đi bên trái không thông, đi bên phải cũng không vượt qua, bốn phương tám mặt, không có con đường để đi, kết quả sản sanh các thứ thống khổ ra đời, thử hỏi thống khổ do đâu mà đến? Tri cứu căn nguyên, từ vọng tưởng sanh, vọng tưởng vốn không có nguồn gốc, quả như có nguồn gốc, có thể đem ra trao cho người xem thấy. Đã là vọng tưởng, nhìn lại gọi là nghĩa tâm tư, vốn không chỗ có, vọng tưởng đã là không, vậy khổ từ đâu đến? Cho nên Phật nói các khổ hoàn toàn là do vọng tưởng tạo những điều quái lạ, nếu không vọng tưởng, thống khổ hoàn toàn không. Chỉ vì chúng sanh mê hoặc không biết, say đắm sanh mộng tưởng, hư vọng tạo nghiệp, hư vọng thọ khổ. Trong Kinh Lăng Nghiêm Phật đối với A Nan nói: [Thí dụ như có người nói đến ô mai chua, nước trong miệng chảy ra, như thế nói chua không từ ô mai sanh, cũng không phải từ miệng vào. Tư tưởng bị chà đạp treo trên vách núi, còn tâm dưới chân lại bị chua chát, như vậy chua chát không sanh từ vách núi, cũng không phải chun vào từ dưới chân.] Do đây chứng minh, tất cả thống khổ, đều từ vọng tưởng sanh, nếu không vọng tưởng, thống khổ do đâu mà có?

Thí dụ như, có một chồng vợ đối đãi nhau tha thiết, ăn ở với nhau nhiều năm, chiếu cố nhau đậm đà, không lúc nào không hòa thuận, hình ảnh không lìa nhau; một trong hai người, bỗng nhiên vô thường cướp đi mạng sống, một người còn lại, nhất định sầu khổ không tự kiềm chế, thống khổ khó nhẫn, hoàn cảnh đổi thay, cũng sầu mặt ủ mày chau che lấp sâu thẳm, buồn thảm sầu mãi không vui. Thử hỏi thống khổ từ đâu sanh ra? Phật nói đây là ái biệt ly khổ (yêu nhau mà bị xa lìa là khổ), nếu như hai người ngày trước không yêu nhau kết tụ thì ngày nay nào có thống khổ vì biệt ly. Quả như một người còn sống, ngồi cô độc nơi gian nhà nhỏ, hoặc đứng lại trước sân nhà, tinh thần tập trung trước sân nhà, suy nghĩ tìm kiếm người bạn đời trước, hai người một lần đi đến một chỗ nơi xem hát, du lịch, bơi lội, đá cầu, lúc đó có biết bao cam mật khoái lạc, hiện tại người bạn yêu đã từ trần, lập tức thành vĩnh biệt, khó vui lại lần thứ hai, càng tưởng lại càng thống khổ, thậm chí tưởng đến thần kinh thác loạn, thống khổ khó gọi. Giả sử lúc này lỡ như có bằng

hữu, nó và người yêu đi xem hát, mình bỗng nhiên đầu tiên cảm thấy sầu lo nổi lên, lúc đó chúng nó đang tiến vào hí viện, mắt xem trên vũ đài, nào hồng nam lục nữ, ca xướng vũ múa, một đám càng hoan hỷ, tâm hoa mình càng phần nở, lúc này tư tưởng bạn yêu của mình nhớ lại đã mất từ lâu, thống khổ cũng chấm dứt. Sau khi trở về nhà, tư tưởng người yêu đã chết khởi lên, thống khổ trở lại tái sinh, như đây khổ lạc quanh co lật lại, tất cả đều do vọng tưởng sanh ra.

Phật nói tâm sanh các pháp đều sanh; nơi trong không thống khổ, thống khổ bỗng nhiên sanh. Thử hỏi thống khổ rất ráo là có hay là không? Quả như là có, khi ở hí viện, tại sao không có khổ nào? Quả như là không, khi trở về nhà, tưởng lại phát khởi hình ảnh cái chết của bạn yêu, tại sao thống khổ lại sanh ra? Lại tiến thêm một bước để nghiên cứu, thống khổ do nội tâm sanh chăng, do ngoại cảnh sanh chăng? Quả như thống khổ do nội tâm sanh, tâm vốn thường trụ, thống khổ cũng nên thường trụ, trên sự thật không phải vậy, thống khổ khi có khi không. Quả như thống khổ do ngoại cảnh sanh, ngoại cảnh cùng ta đều không quan hệ, cảnh có thống khổ, sao ta lại không biết. Như thế quanh co, suy cùng tìm dần dần, thống khổ triệt để do ai đem lại? Tìm lại tận gốc rễ, nhưng là hư vọng, hoàn toàn tìm không thể được.

Người tôi hiện tiền, chỗ thấy chỗ nghe, tất cả sự vật, đều là chỗ hiện vọng tưởng. Thử đề cử cảnh mộng làm thí dụ, người tôi chính khi ở trong mộng, không biết mình là mộng, cảnh vật trong mộng, thương ghét lia hợp, tất cả đều thật. Bỗng nhiên tỉnh lại, mới biết thương ghét trong mộng, tất cả đều là hư vọng. Người tôi chưa đến minh tâm kiến tánh, chỗ đại thấu suốt đại ngộ, còn nương vô minh vọng tưởng, chi phối nhân sanh tuần hoàn xoay vần, người mắt sáng quán thấy, dù như những sự vật trong mộng, chỗ đương sanh ra, theo chỗ diệt tận, huyễn vọng qua lại nhau, huyễn vọng qua lại đây không phải chân.

Giả sử người tôi muốn tiêu trừ phiền não thống khổ, tưởng được đến nhân sanh chân chánh khoái lạc, đầu tiên nhu yếu chân kính nghiên cứu chân đế của Phật giáo, kỹ lưỡng tinh tế tìm hiểu, tận cùng nguyên lý tinh sáng, sau đó mới dẫn đạo giáo lý Phật đà, phải chắc chắn thiết thực, tu tập thiền định, đình chỉ chấm dứt vọng niệm, vọng niệm không khởi, vọng cảnh không sanh, ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm, tâm cảnh nhất như, lúc này có phiền não thống khổ phát sanh hay sao? Chỗ gọi phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức niết bàn là thế.

5.- Bàn Luận Về Khổ Cùng Không.-

Có một số nhân sĩ phê bình Phật giáo là tiêu cực, bi quan, chỗ căn cứ của họ không ngoài hai thứ nguyên nhân: một là khép kín nơi phương diện lý luận của Phật giáo, hai là khép kín nơi phương thức tu hành cùng phương diện sinh hoạt của tín đồ Phật giáo.

Đầu tiên giảng khép kín nơi vấn đề lý luận. Tôi cũng đã trải qua thường nghe người đời nói: [Phật giáo đồ bọn người trọn ngày không là giảng khổ, lại là giảng không, người ngày nay không bằng lòng để ý nghe.] Quả như giảng đến người bệnh cùng người chết, có phải không giảng nên không nghe, đều ở nơi không gặp bệnh không gặp chết phải không? Đương nhiên đã trải qua thân hữu, gia quyến bệnh nặng hoặc tử biệt, lại như trời tốt nắng ráo bỗng nhiên sét đánh thành linh tử nạn, cảm đến chấn động thần kinh và bi thương. Tất nhiên sanh già bệnh chết là con người không ai tránh khỏi, quả như một sớm chuyển đến chính mình, lúc đó biện minh như thế nào? Cổ đức có nói: [Tôi thấy người khác chết, tâm tôi nóng như lửa, không là người khác nóng, canh giữ sẽ đến tôi.] Lại nữa nói: [Thời gian qua, vui vẻ bàn luận sự việc già chết, như ngày nay vẫn đến trước mắt.] Thật đủ để khiến người ta tỉnh ngộ! Người đời đều biết năm đến chưa đến, năm nay chính cần yếu chuẩn bị lúa gạo cho năm tới, trời đông chưa đến chính cần yếu chuẩn bị áo ấm cho trời đông, cũng là vì sự việc sanh già bệnh chết khi chưa đến, nếu không chuẩn bị lúa gạo lương thực cho sớm thì không kịp.

Người người ai cũng đều sợ khổ, có phải khổ là hiện thật tồn tại? Chính nhân vì người người đều sợ khổ, cho nên Phật giáo đặc biệt nhấn mạnh điều này với nó, đem nó đề ra với mọi người cho nó là như thế nào? Như thế cần phải nghiên cứu bản chất của cái khổ, khổ đây đích thực là nhân, theo đây để tìm kiếm cho ra phương pháp để giải thoát khổ, tiêu trừ căn nguyên của thống khổ.

Các loại khổ của thế gian tuy nhiên là nhiều, mà quy nạp tìm được, không ra ngoài hai thứ của thân tâm. Khổ của thân thể gồm có bốn thứ, sanh, già, bệnh, chết. Khổ của tâm gồm có ba thứ, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc; (Ba thứ khổ: Ái biệt ly: là thương yêu nhau mà bị xa lìa; Oán tắng hội: là thù ghét nhau mà cứ gặp nhau mãi; Cầu bất đắc: là hy vọng không thành); lại còn có một thứ vô thường biến

hoại là cái khổ của bức hiếp làm cho đau đớn khổ sở, tức là ngũ ấm xí thạnh khổ (Ngũ Ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức), hợp nhau lại có tám thứ khổ quả.

Phật giáo báo cho chúng ta biết, quả khổ hiện tại, tất nhiên là có thứ nhân khổ của quá khứ. Cho nên kẻ thật hành Tiểu Thừa, đầu tiên cần yếu, biết khổ, đoạn tập, chuộng diệt, tu đạo, mới có thể dứt sanh thoát chết, vượt ra ngoài ba cõi.

Quả khổ đã là do nhân khổ chiêu cảm tạo nên, như vậy nhân khổ là như thế nào? Phật giáo giảng nhân khổ chính là sáu thứ, tham dục, sân nhuế, ngu si, cao mạn, nghi hoặc và tà khiến một trong năm thứ, (Năm thứ lợi sử: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ kiến, Tà kiến. Tà kiến có mặt nhiều chỗ như:

-, Trong Thập Sử: tham, sân, vô minh, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, Tà kiến.

-, Trong Thập Ác: chia làm ba lãnh vực: thân, miệng, ý:

*- Thân: sát sanh, trộm cắp, dâm dục (tà dâm)

*- Miệng: vọng ngữ, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu,

*- Ý: tham, sân, Tà kiến (si)

Ngũ dục lại có mặt phía trong: tài, sắc, danh, thực, thù; ngũ dục lại có mặt phía ngoài, tức năm căn đối với năm trần chỗ sanh ra dục vọng, một số đây đều là nhân khổ. Thứ nhân khổ đây, tất nhiên đạt đến quả khổ, đây là những sự việc phi thường công bằng, tức chỗ gọi là tự làm tự chịu, thù ghét người khác không được.

Phật giáo nói: [Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.] Người có trí huệ nhân vì sợ kết quả ác, lúc ban đầu không dám tạo nhân khổ; người ngu si không tin nhân quả, chính tạo nhân ác bừa bãi, đem đến chính chiêu cảm quả ác. Người học Phật đương nhiên biết đạo không tạo nhân ác, đem đến chính không kết quả ác, mặc dù nhân thuộc quá khứ không biết mà lỡ tạo nhân ác, cũng quyết định không oán trời trách người, nên đem an nhiên thừa nhận quả khổ, nhân biết [Phước họa không cửa, chỉ người tự chuốc lấy].

Có chỗ nói: [Tùy duyên tiêu trừ nghiệp cũ, lại không tạo tai ương mới.] Rõ ràng

đây là đạo lý của Phật giáo đồ, tuy có khổ não, nhưng thân thọ khổ, mà tâm không phiền não, nếu không rõ ràng nhân khổ cùng người chịu quả khổ, không những thân thọ khổ, mà tâm cũng hận phiền não, oán trời trách người, cho là mình một đời đã tạo rất nhiều việc thiện, là thế nào sao lại bị quả ác này, đâu không phải là không có nhân quả! Kỳ thật họ không biết đạo lý nhân quả có ba đời, không phải là con số chữ ba, mà đây là chỉ ba đời, quá khứ, hiện tại và vị lai. Ba đời: (1) Hiện Báo, đời nay tạo nghiệp thiện ác, đời nay thọ báo. (2) Sanh Báo: đời nay tạo nghiệp thiện ác, đời sau thọ báo. (3) Hậu Báo: đời nay tạo nghiệp thiện ác, đến đời sau thứ hai, mới thọ quả báo. Người không hiểu rõ đạo lý đây, lầm cho là không có quả báo.

Phật giáo đồ chúng ta, làm thế nào trọn ngày sao không giảng lý không. Đây cũng là nguyên nhân làm cho người đời sợ khổ, nếu có thể biết đạo vũ trụ nhân sanh đều là không. Phía bên trong tâm lại bị chịu khổ. Phật Kinh có nói: [Các pháp theo duyên mà sanh, các pháp theo duyên mà diệt.] Duyên sanh không chủ, đương thể tức là không. Phật nói vũ trụ vạn hữu, đều là bốn đại hợp thành. Dùng người để trình bày rõ hơn, như da thịt gân xương đều là địa đại hợp thành, nước mắt nước mũi, nước bọt, máu đặc, đều là thủy đại hợp thành, uất nóng, khô, nhiệt đều là hỏa đại hợp thành, hô hấp vận chuyển đều là phong đại hợp thành. Do đây địa thủy phong hỏa trong bốn đại không có ngã, cho nên nói là không, nếu người có thể quán sát lý vô ngã (lý không ngã), phiền não thống khổ tự nhiên không sanh.

Lại nói Phật giáo đồ vấn đề tu hành và sinh hoạt, giống như người ta thấy đến, các ngài suốt ngày tĩnh tâm và mặt lạnh thờ ơ ít muốn bôn ba lao碌; các ngài nhận thức đối với xã hội càng thấy hư danh và tư lợi, cho nên không đi kết thân, do đó người đời cho các ngài có thái độ tiêu cực hoặc cho các ngài là những kẻ trốn tránh hiện thực. Phải biết người đời, trên có cha mẹ, dưới có vợ chồng con cái, sinh hoạt mỗi ngày, họ không phải bị cưỡng bức, nhưng chính họ phải đi bận rộn bôn ba, sớm đi chiều về, làm việc mưu sanh; quả đúng như vậy, cuộc sống nào là áo mặc nhà ở cơm ăn sinh hoạt hàng ngày của gia đình, chính họ gặp phải vấn đề nan giải phát sanh. Người xuất gia đã không có con trai lo cưới vợ, con gái lo lấy chồng, cho nên không có gia đình chồng chất lo âu, cuộc đời chỉ ăn ở nơi chùa miếu, chỉ một y phục mặc hơn mười năm, trọn ngày tự do tự tại không lo nghĩ. Nhưng đây không phải là nói người xuất gia nhường lại cho đời độc lập tự do, vả lại xem nhiều ít xưa nay tăng già trọn đời lao thân làm công việc xây dựng chùa và

lao tâm làm công việc thuyết pháp độ sanh. Lại nữa, một số người xuất gia bẻ quan tu học, cũng là tự mình tròn đầy sự thật của tích cực, là tương lai chuẩn bị làm tốt cho việc độ tha và tự lợi, nếu có thể giải thích sự hành trì của người xuất gia hoàn toàn sai sự thật, chính không chắc đã giải thích sai lầm.

6.- Điều Vui Không Thích Nghi Nhu Cầu Của Người Thế Gian.-

Người ta thường nói: [Chúng ta nhất định tìm cầu khoái lạc của nhân sanh.] Mà ngày nay các nhà viết sách chủ trương: [Điều vui của nhân gian không thích nghi nhu cầu]. Đâu chẳng phải cùng người thế gian lời nói hay luận điệu trái ngược chống lại với người khác? Không lầm, Phật giáo chúng ta chỗ giảng đạo lý, là tương đối khác nơi thế tục. Do nơi tư tưởng cùng quan niệm của con người, sản sanh tánh cách cùng ham thích của cá nhân, tất cả đều không thể nhảy ra ngoài phạm vi tri kiến của phàm phu. Cùng một sự vật, anh Giáp nhận cho là tốt đẹp, anh Ất nhận cho là xấu ác, mà anh Bính thì lại xem cho là không xấu cũng không tốt. Thậm chí cá nhân quan niệm cũng gặp phải trải qua thường biến hóa, ngày trước nhận cho là đúng, ngày nay thì giác ngộ nó đều không phải như thế. Có thể biết tất cả thiện ác tốt xấu của thế gian, rất khó định nghĩa cho đúng, nhân vì tâm con người lúc nào cũng bị nghiệp thức chi phối, ngoại cảnh cũng theo tâm chuyên biến, các thứ quan niệm cùng tri kiến hoàn toàn tính toán mê vọng của phàm phu, đều có thể nói không có chân lý. Chỗ gọi: [Tình thì có, lý thì không.] Chúng ta nói chân lý chỉ là có trong cộng đồng định nghĩa; còn chân lý phải được các nơi trong bốn biển đều đúng mục đích, bất cứ người nào đều không thể đem nó ra lật đổ, và không phải một nhóm người dễ lĩnh hội.

Phật nói: [Nhân sanh trong thế gian, khổ nhiều vui ít.] Câu này nói cần nhẫn chân thật để thế hội cũng không dễ, chỉ là người ta thông thường đều không quan tâm vui vẻ để suy nghĩ cân nhắc kỹ càng.

Dùng vấn đề kết hôn để khẳng định, một nhóm đều cho là việc vui mừng của nhân sanh, không để ý phí tổn. Sau khi kết hôn, chúng nó hoàn toàn, nếu hai người tâm đầu ý hiệp, gắn bó keo sơn, nhân vì chúng nó đã được bộ máy tình yêu, nên không thấy chỗ khuyết điểm lắm lỗi. Nhưng ái tình trở lại ái tình, bao tử đói cần yếu là phải ăn cơm, dù cho không nhận giây phút phân ly, nhưng phải xuất ngoại chạy đông chạy tây để tìm kế mưu sanh, lúc đó bậc trượng phu lo sợ vợ con ở nhà không

yên, vợ con cũng lo ngại chồng đi xa sợ có ngoại tình, hai người vướng víu không rời, như thế làm sao có hỷ lạc được? Kinh Phật có nói: [Nhân ái sanh ưu, nhân ưu sanh bố, nhược ly ưu ái hà ưu hà bố?] (Nhân yêu sanh lo, nhân lo sanh sợ, nếu lia nơi yêu, làm gì lo làm gì sợ). Lại hơn nữa nhân sự bĩ bề nương dâu, vô thường trong nháy mắt, ân ái không dễ bền chặt lâu dài, ở với nhau lâu ngày, khả năng sinh hoạt đã chuyển biến thúc đẩy trở nên nhạt nhẽo, nói không nhất định lúc ấy mới phát hiện hai người chỗ tốt không còn giống nhau, vợ thích yên tĩnh chồng thích hoạt động bên ngoài, hoặc nhân tín ngưỡng không giống nhau, ý kiến trái ngược nhau, theo trách mắng lẫn nhau, cãi nhau không thôi, thậm chí đòi ly hôn phân chia nhà cửa. Lại nữa, hoặc sau khi sanh con trai con gái, sinh hoạt trách nhiệm càng nặng, chỉ có tăng thêm thu nhập, bằng không lại cần phải lường tính thu nhập để chi tiêu. Giả như con trai không nghe cha dạy dỗ, con gái không giữ gia quy, bằng cách hà khắc vào khuôn phép, một không thuận ý, liền sanh oán kết cãm thù. Hơn nữa trong gia đình không luận có bệnh gì đó, hoặc có khốn nạn, tất cả nơi thân đều thọ nhận, phiền não quá nhiều, thật tại không sao kể hết! Thử hỏi vui ở chỗ nào?

Người đời khổ nhiều vui ít, giống như người thể nghiệm được đến đích. Nếu đi sâu một tầng nữa để nghiên cứu, dù rằng thỉnh thoảng đạt đến một điểm vui nhỏ, cũng chẳng qua cho khổ là vui. Như người chạy bộ cảm thấy mệt nhọc, liền ngồi xuống nghỉ mệt cho là vui; ngồi thời gian lâu lại cảm thấy không thích, nhưng lại đi bộ cho là vui. Đây chẳng phải là nhân khổ hiển bày vui?

Đã có đại sứ của đại sứ quán quốc gia nọ, một ngày kia bỗng nhiên bị tai họa do lũ giặc bắt cóc gia đình cường bức phải chuộc, lúc ấy gia đình quyến thuộc của ông tất nhiên không an, khổ không thể nói, đang lúc không biết như thế nào định trừ bị và gom góp tài vật để trao đổi, bỗng nhiên lũ giặc đem người phóng thích, lúc ấy tất cả gia đình hoan hỷ vô cùng ra ngoài nghinh đón, có thể nói khoái lạc không thể so sánh. Nhưng tư duy thâm sâu điều vui đây từ chỗ nào đem đến? Truy tầm tận cùng nguồn gốc, do khổ đổi lại, nếu không ngay lúc đó cái khổ do kẻ bắt cóc sao lại được vui ngày nay? Từ đây suy ra, cái vui của nhân gian, ai cũng đều cho là do cái khổ đổi lại.

Mỗi ngày xem báo, thấy anh tay nghề đua xe đạp, đạt được hạng nhất, thưởng vàng kim số vạn, lúc ấy tiếng hoan hô kêu to, nở mày nở mặt, vui không thể điều

khiển, dự tính sáng mai sau giờ Ngọ cùng thái thái đi du lịch, một lúc khinh tâm, ghe đến giữa biển, tất cả đều chết. Đây chính là khổ của cực vui sanh bi thương.

Nếu nói quan vị là vui, đem sự việc Ni Khắc Tôn Vi Lệ của Mỹ Quốc, ông được bầu cử làm Tổng Thống, trước một ngày chưa biết thắng bại như thế nào, do nơi tinh thần quá căng thẳng. Một đêm chưa tới có thể vào ngủ. Đến [Sự kiện đập nước.] cường bức ông nơi cánh đồng, khiến ông thân bại danh liệt! Còn Nam Hàn Tổng Thống Phác Chánh Hy chấp chánh 18 năm, tuy nhiên đối với Nam Hàn, ông công hiến rất nhiều, kết quả ông bị mưu sát, bà vợ của ông cũng ở 70 năm bị người đầu giết chết. Phàm những thứ đây, ai cũng cho là cái khổ đổi lại làm vui.

Có người sớm đi chiều về, hy sanh tìm cầu của cải, cho là có tiền mới là vạn năng, của cải mới là khoái lạc. Nó không biết của cải khiến bản thân có đủ lôi cuốn rất lớn, khiến người kiếm lời mười vạn lại tưởng đến trăm vạn, được trăm vạn lại tưởng đến ngàn vạn, dục vọng vô cùng, không pháp ngừng tay, như thế không dứt chỗ lao tâm kiệt sức, khổ lạc thật khó phân biệt.

Lại có người không chịu an phận thủ cho mình, thấy người khác địa vị cao đa tài, lại sanh tâm tham niệm, làm sao cho đạt được mục đích, không từ chối bất cứ thủ đoạn nào, ăn trộm ăn cướp, gian xảo phạm tội, không chỗ nào không làm. May mắn hơi khá có chỗ thu hoạch, liền tận tình hưởng thụ. Nhưng khéo chọn lấy phi thường, cuối cùng không phải kẻ sách lương thiện, bất ngờ một khi không cẩn thận, đi đến thân bại danh liệt, thử hỏi vui cùng khổ ai nhiều hơn? Có thể biết không luận tìm cầu nhân gian, bất cứ sự vui nào ai cũng thấy có khổ nào cùng theo, tìm cầu càng nhiều, thì thống khổ càng lớn.

Làm cho một kẻ trí, cần rõ ràng là không phải phân biệt tà chánh, bất cứ sự việc gì phải từ chỗ xa để nghĩ tưởng, không nên ngoảnh lại chỉ xem lợi ích nhỏ trước mắt. Phàm đối với người đặc biệt có sự việc lợi ích nhỏ, nên lượng sức mà làm; như đối với người đặc biệt có chỗ tổn hại, vạn sự chớ ướm tay. ☞Trung Dung☞ có nói: [Quân tử vốn dĩ căn cứ nơi chức vị của nó để làm, không cần bên ngoài của nó nhi. Vốn dĩ phú quý thì làm phú quý nhi. Vốn dĩ bản tiện thì làm bản tiện nhi. Vốn dĩ nước Địch bình yên thì làm cho nước Địch bình yên nhi. Vốn dĩ hoạn nạn thì làm hoạn nạn nhi. Quân tử không vào thì không tự được yên ở nơi đó.] tức là ý đây vậy.

Phải biết phú quý bản tiện, đều quan hệ chiêu cảm nơi làm thiện làm ác của đời trước. Cho nên gọi: [trồng dưa đắng dưa, trồng đậu đắng đậu.] Giả như đời nay không tu thiện mà ngược lại làm ác thì cũng giống như ngọn đèn mà không thêm dầu, để đèn cháy cạn dầu thì gặp đại họa, đây là không phải thường có thể sợ vậy.

Các người tìm cầu cái vui của thế gian, không là lãng phí kim tiền, lại còn tiêu hao tinh thần, đời trước gây tạo bản cùng khổ, đời nay làm cho khiến nhiều bệnh đoán mạng! Nếu dùng nhân quả để nói, đây chỉ là khổ nhỏ của hiện báo, chuyên đời trở lại chịu đại khổ của sanh báo, giả sử lai sanh thọ báo chưa hoàn tất, nhưng phải thọ hậu báo tái trở lại nhiều đời nhiều kiếp. Nhân đây chúng ta thà xin một số khổ nhỏ, không cần tìm cầu cái vui của nhân gian. Chỗ gọi: [Xin đắng khổ trong khổ, mới là người thượng nhân.]

Tổng hợp lại nói, muốn được cái vui chân chánh của nhân sanh, cần thiết không nên giới hạn nơi hưởng thọ vật chất, mà nên công phu ở nơi phương diện tinh thần, nhân vì đời trước có giới hạn, đời sau mới vô cùng. Không Tử giảng cho Nhan Hồi nói rằng: [Một cái giỏ đựng cơm, một bầu rượu uống, ở am nhỏ hẹp, người không chịu được lo buồn nay sao, Nhan Hồi cũng không cái cái vui này của Không Tử.] Có thể biết cái vui cùng vật chất phú quý không quan hệ. Mà vả lại cái vui trên tinh thần là tích phước và thuận theo thiện, thì thiện có thiện báo; còn cái vui của ngũ dục lạc (Ngũ dục lạc là tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ) trên vật chất, chính là tổn đức mà thuận theo ác, thì ác có ác báo. Cho nên có người hiểu biết, không tham cầu khoái lạc trên vật chất, mà nên tìm cầu an tịnh trên tinh thần.

7.- Pháp Của Thế Gian Và Xuất Thế Gian.-

Phật đà chỗ nói pháp thế gian cùng pháp xuất thế gian, không ra ngoài tất cả tâm pháp của người tôi. Người xưa nói: [Phật nói tất cả pháp, không lìa tất cả tâm, nếu lìa tất cả tâm, làm sao dùng tất cả pháp.] Do đây có thể thấy, tất cả kinh điển gồm ba tạng mười hai bộ, đều giảng kể lại một tâm niệm của chúng sanh, nếu không tâm của chúng sanh, Phật cũng không có pháp để nói. Kinh Kim Cang nói: [Nếu người nói, Như Lai có nói pháp, tức là chê bai Phật, không thể giải thích ta có nói pháp.] tức là nghĩa đây vậy.

Đầu tiên Phật giảng lý tục đế của pháp thế gian, tức là sáu đường, thiên đường, địa ngục, người, súc sanh vân vân. Loại chúng sanh đây, tức có chánh báo của năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Tất nhiên nương y báo của áo mặc, cơm ăn, nhà ở, sinh hoạt mới có thể sanh tồn. Chánh báo là do nghiệp của quá khứ, chiêu cảm tâm thân của đời nay, y báo là tất cả sự vật trong thế gian làm chỗ nương tựa của thân và tâm. Đời trước làm rất nhiều việc thiện, đời nay liền cảm thọ hai báo là chánh báo và y báo rất tốt; đời trước tạo rất nhiều việc ác, đời nay liền cảm thọ hai báo là chánh báo và y báo rất xấu ác. Do đây các pháp thế gian, tuy có ngàn vạn sai biệt, quy nạp mà nói, không ra ngoài phước huệ, thiện ác, nhân quả và báo ứng. Do đây, chúng ta muốn tưởng đến an lạc giàu có tôn vinh, chính cần phải tu tập bồi đắp cho nhiều phước đức, trồng rộng thiện căn. Cổ đức nói: [Trồng cây cần phải bồi đắp gốc cây, trồng đức cần phải bồi đắp cái tâm.] Muốn cầu giống phước tất nhiên cần phải theo tâm của nó. Người tôi có khi sanh khởi tâm niệm ác làm tổn người lợi mình, nhất thiết phải khiến tâm niệm đó cấp tốc mau tiêu diệt, chỉ cần khi tâm sanh khởi hiểu để trung tín và lợi người lợi vật, lại thêm khi thường bảo trì, đều nên dùng [không vì thân mình cầu an lạc, chỉ nguyện chúng sanh được lìa khổ] là hoài bảo trọn đời. Chỗ nói: [Người chưa đoạn ác nay đoạn ác, người đã đoạn ác nay không cho sanh khởi, người chưa sanh thiện nay sanh thiện, người đã sanh thiện nay tăng trưởng.]

Ngoài đây, như người đặc biệt có khởi lên tranh chấp, chúng ta tận khả năng khéo khuyên khiến họ chấm dứt tranh chấp, hoặc gặp người tạo ác nghiệp, nên dùng nhiều phương diện khuyên can, rộng hơn mở bày thuyết pháp, khiến họ bỏ ác theo thiện. Đối với người có nói lợi ích, không cần nói nhiều, ngược lại tất nhiên cần phải nỗ lực tự hạn chế. Chúng ta cần thực hành những việc tốt, thí dụ như phò nguy giúp người, tạo phước cho xã hội, hoặc lễ Phật bái sám, tham thiền tụng kinh, đều cần dừng cảm tiến tới, để đạt công đức viên mãn.

Phải biết thân, niệm, ý là đầu mối của con người lên thiên đường cùng xuống địa ngục, ba chỗ đây nếu như tu phước thiện lương, lại đặng thiện báo; ba chỗ đây nếu tạo các thứ tội ác, lại thọ ác báo; phải biết quả báo thiện ác, các đức Phật các Bồ Tát cũng chẳng có thể thay đổi dễ dàng. Nhân đây chúng ta chỗ tạo tác chỗ hành động, cần phải suy nghĩ ba lần rồi sau mới thực hành. Phật gia chỗ nói: [Giữ miệng, nhiếp ý, tu thân chẳng cho phạm, như là hành giả được độ đời.] Đây là đạo

lý của thiên kinh địa nghĩa.

Một cá nhân thiếu phước cố nhiên có thể bi thảm, còn có phước mà không có huệ chính là si phước, người si phước dễ tạo nghiệp ác, như có tiền tài không cần thận vận dụng, hoặc có nhân tài không được chi phối, đây đều là do không huệ gây ra. Nhân đó chúng ta sau khi có phước, cần phải tu trí huệ. Đạo tu trí huệ cốt yếu phải xem và nghe nhiều kinh Phật, theo văn tự tu, tự ngã thể chứng. Chỗ gọi: [thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển.] Người có phước như người có chân, người có huệ như người có mắt. Giả như người có chân mà không có mắt liền bị rút xuống hố, người có mắt mà không có chân, thì bước một bước khó thực hiện, cho nên cả hai điều trên không thể thiếu một.

Lý tục đế của pháp thế gian, không thể vượt ra khỏi phạm vi của các pháp thiện ác, mà các pháp thiện ác lại nương nơi thân, miệng, ý làm căn bản. Nếu trở lại một lần nữa để nói thiện ác các pháp lại không thể ly khai một tâm niệm của chúng ta, nhân vì một tâm niệm của chúng ta muốn thiện, thì tất cả tạo tác đều biến thành thiện, một tâm niệm đây muốn ác, thì tất cả hành động đều biến thành ác, trừ ngoài tâm đây, lại không có một pháp nào có thể thay thế tạo thành nhân tố của các pháp thiện ác. Do đó, các pháp thiện ác muốn sanh khởi, tất nhiên phải mượn một tâm niệm của người tôi làm chỗ nương tựa cho chúng nó.

Vã như trở lại đi sâu một tầng nữa để nghiên cứu, một tâm niệm đây đã có thiện ác dẫn đến, thì một tâm niệm đây là bản thể của thiện ác. Chẳng qua một tâm niệm đây cứu cánh là thuộc nơi thiện nào? Hoặc thuộc nơi ác nào? Giả như nó thuộc nơi thiện, thì không thể thuộc nơi ác; như thuộc nơi ác, thì không thể trở lại thuộc nơi thiện, nhân vì hai tánh thiện ác trái ngược nhau, một tâm đâu có thể phân định làm hai được?

Lại nữa Phật nói, tâm đây không phải lớn nhỏ vuông tròn, cũng không phải xanh vàng đỏ trắng, không phải sắc không phải không, không phải pháp nhân quả, đã nói cái tâm tất cả đều không phải, sao lại có thể nói nó là nguồn gốc của thiện ác? Kỳ thật, tâm đây không chỉ không phải là nguồn gốc của thiện ác, mà lại cần tìm cầu nguồn gốc của tâm, cũng là hoàn toàn không thể được, nhân vì tâm chưa khởi, muốn khởi, đang khởi, đã khởi đều là sát na sanh diệt, tìm tâm trên còn không thể được, thử hỏi các pháp thiện ác từ đâu sanh ra?

☞Kinh Lăng Nghiêm☞ nói: [Do tâm sanh nên, các thứ pháp sanh, do pháp sanh nên, các thứ tâm sanh.] Ý nói cái tâm xưa nay vốn không sanh, nhân vì có cảnh, các cảnh xưa nay cũng không, nhân vì tâm sanh. Hai câu nói trước, tâm sanh nên pháp sanh, là nói pháp không tự tánh, chính từ nơi sanh khởi. Hai câu sau nói, pháp sanh nên tâm sanh, là nói tâm không tự sanh, chính do pháp mà hiện, nói cho rõ tâm vốn không sanh, pháp cũng không có, hai thứ tâm cảnh, vốn không tự tánh, xét đến cùng đều là không trong trạng thái vắng lặng. Có như nhãn căn nhân nơi sắc có thấy, nhĩ căn nhân nơi tiếng có nghe, giả như không có các pháp sắc và tiếng, thì cái thấy và nghe của tâm cũng không thể sanh khởi tác dụng, cho là tâm và cảnh cướp đoạt lẫn nhau, tự có sanh diệt, lúc có lúc không, biến hóa vô thường. Nhưng nơi trong sanh diệt đây, có một tánh không sanh diệt, đó là trạm nhiên (Trạm nhiên là thể tánh trong sáng) thường trụ. Chỗ gọi là: [Trong nhục thân đây có diệu pháp thân, thể tánh của nó sáng suốt kỳ diệu thấu suốt, soi sáng cổ xưa bay cao đời nay, một khi cổ xưa không biến, vĩnh cửu thường hằng.] Ngoại cảnh có mà không có theo nó, ngoại cảnh không mà cũng không theo nó, có trong không cũng giống như gương sáng to lớn treo cao, người đến thì người hiện, vật đến thì vật hiện, nhưng bản thể của gương thì không bị vật tượng làm nhiễm ô. Thấy nghe hiểu biết của chúng ta, lại cũng như thế, cảnh hiện thì biết có, cảnh lìa thì biết không, nhưng tánh thấy nghe của bản thân thì không thuộc nơi có không. Do đây có thể biết, phàm có sanh diệt đến đi, nghiệm biết không phải là thường trụ, phàm không theo có không biến hóa, thì cắt đứt định kỳ cho là thường trụ.

☞Kinh Lăng Nghiêm☞ quyển hai, Vua Ba Tư Nặc hỏi Phật về sanh diệt: [Phật nói Đại Vương, mặt của Đại Vương tuy nhăn, tánh thấy trong sáng của Đại Vương chưa từng nhăn, người nhăn là biến, không nhăn không phải không biến, biến đây là bị sanh diệt, người kia không biến, đầu tiên không sanh diệt, tại sao nơi trong đây, nhà người bị sanh tử.] Mặt nhăn là nói, do từ nhỏ đến tráng niên, do tráng niên đến già, biến hóa không ngừng. Người kia không biến, là chỉ cho tánh thấy nghe, không chỉ ba năm không biến, cho đến tuổi già cũng chưa từng biến. Do đây kiểm nghiệm biết, trước kia cha mẹ chưa sanh, cho đến sau khi thân này hoại diệt, bản tánh cũng chưa từng diệt, vạn cổ thường còn. Người đời nếu có thể oán trách ban đầu khổ tu, nếu trải qua năm tháng, bỗng nhiên thấy được tánh đây, thì gọi là [minh tâm kiến tánh]. Minh tâm là sau khi thấy tánh, thì đối với tất cả chân lý của vũ trụ nhân sanh, không chỗ nào là không biết, không chỗ nào là không hiểu, đối

với người nói pháp cũng không dụng tâm ý thức, có giống như gương sáng chiếu khắp vạn vật, thể của nó bất động. Đến lúc này, không phải chỉ lìa khỏi vọng trần, chính là giả danh của chân như Phật tánh cũng không thể được, nhân vì hóa độ chúng sanh, mới nói chân nói vọng, bệnh vọng nếu trừ, chân cũng không lập.

☞Kinh Lăng Nghiêm☞ nói: [Nói vọng hiển bày các chân, vọng chân cả hai giống nhau đều vọng.] Như người nằm mộng thấy nghe các thứ, khi tỉnh giấc tất cả không một vật. Thiền sư Pháp Dung nói: [Nếu thân tâm vốn không, Phật pháp cũng vốn không, tất cả pháp cũng vốn không, vốn không cũng vốn không. Nếu biết vốn không cũng giả danh, giả danh là đạo Phật. Đạo Phật không phải trời sanh, cũng không từ đất sanh, chân thật là tánh không của tâm, chiếu soi khắp thể gian như mặt trời.] Có thể thấy, Phật thuyết các pháp, đều là pháp dược để đối trị tâm bệnh, tâm bệnh được giải trừ, pháp dược hoàn toàn cũng không dùng.

Lý chân đế của pháp xuất thế gian, lại không lìa một tâm niệm đây. Trước đã nói, thân nương thế giới mà lập, thân nương nơi tâm mà tồn tại, vậy tâm lại nương chỗ nào mà lập? Tâm nương nơi vọng tưởng mà trụ, nếu không vọng tưởng điên đảo, tức tâm không thể giác ngộ, cũng không tướng của chỗ giác, năng và sở cả hai đều mất, chỉ còn bản giác. Bản giác cũng đối với thị giác mà lập, nếu không thị giác, tên bản giác cũng không thể lập, không danh không tướng, chỉ còn năng lực của cái tên Đại Viên Cảnh Trí. Chân tâm bản giác, nguyên không có thân tâm và thế giới, nhân vì có chánh báo của thân thể, mới có y báo của thế giới, mà chân tâm đây vô thị vô chung, kẻ thọ nhận sanh diệt tức là vọng tâm, kẻ không thọ nhận sanh diệt tức là chân tâm. Vọng tâm là như thế nào, vọng tâm đối với cảnh mà sanh, nếu lìa cảnh liền giống như lông rùa sừng thỏ. Chân tâm lìa cảnh chính tồn tại độc lập,. ☞Kinh Kim Cang☞ nói: [Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. (Cần phải không có chỗ trụ tâm này mới sanh)] tức là lìa cảnh mới có thể tâm sanh. Cổ Đức nói: [Không cùng vạn pháp làm bạn hữu.] tức là lìa cảnh, riêng có chân tâm.

Phàm phu hoàn toàn bị trói buộc, vạn kiếp không thể lìa cảnh riêng có tâm sanh, giả sử thật có thể lìa cảnh tâm sanh, đó tức là chân tâm, siêu phàm nhập thánh, tuy nhiên như thế, nếu lìa ngoài vọng tâm, riêng thấy chân tâm, khác nào mài gạch ngói làm kiếng, nấu cát thành cơm, vĩnh viễn không có chỗ. Cho nên người minh tâm thấy tánh, không cần lìa ngoài vọng tâm để riêng tìm cầu chân tâm. Nếu ngộ thì toàn vọng tức chân, nếu mê thì toàn chân thành vọng, chân vọng

không một không hai, như mặt trăng thứ hai, không phải là ảnh mặt trăng. Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay, lầm nhận tâm thức là chân tâm, đây mới là người có thể thương hại.

Dùng pháp xuất thế để nói, vật tức không phải tâm, tâm tức không phải vật, hai đây nếu không mê hoặc, tức là kẻ giác ngộ. Như mắt tôi thấy sơn hà đại địa, tất cả vạn tượng, có thể chỉ ra các thứ danh xưng, đều là ảnh tượng của tiền trần, không phải bản tánh của cái thấy. Lúc này phải hồi quang phản chiếu, truy tầm như thế nào nguồn gốc cái thấy của tôi thấy, nơi trong cái thấy đó lia tất cả hiện tượng sự vật, trong sáng thường chiếu, mới là chân thấy của người tôi. Tánh thấy như thế, tánh nghe cũng thế, như người tôi ngồi tĩnh tọa trong nhà, bên ngoài có nào tiếng phi cơ, tiếng xe hỏa, tiếng rống của con bò, tiếng ngựa hí, tiếng con trai gọi, tiếng con gái trả lời, tiếng nhi đồng cười giòn, tiếng cười hỗn tạp vang lên vân vân, nghe rành mạch rõ ràng, những tiếng vừa kể trên, đều là vật ngoài tâm, nên quay đầu hỏi lại, trừ các tiếng ngoài kia, cứu cánh tánh nghe của tôi là cái gì? Chỗ không rõ ràng, lại nên nỗ lực, như mèo bắt chuột, đi sâu vào tìm tòi, đi đứng ngồi nằm, mang y khát thực, đàm luận tịnh mặc, lớn nhỏ tiện lợi, phạm tất cả đây, tâm tham cứu tinh tế, luôn luôn không gián đoạn, dùng an trụ đây dài lâu, tự mình có ngày gặp thời cơ chín muồi, bỗng nhiên đại ngộ, đại địa không tất đất, toàn đại địa nguyên là của chính mình, liền thấy lý thể của pháp thân. Chúng đắc thanh tịnh pháp thân, đầy đủ vô lượng thân thông diệu dụng.

☞Kinh Lăng Nghiêm☞ nói: [Một trong nơi đây là vô lượng, vô lượng là một, hiện lớn trong nhỏ, hiện nhỏ trong lớn, đạo tràng bất động, biến khắp mười phương giới, thân hàm chứa vô lượng hư không trong mười phương, nơi một đầu sợi lông hiện chùa Bảo Vương, ngồi trong vi trần chuyển bánh xe pháp to lớn.] Do đây có thể biết, diệu dụng của tâm, không thể nghĩ bàn, phạm phủ chúng sanh, không thể tưởng tượng, đây tức là chân tướng của Phật pháp xuất thế.

Người đời không rõ lý của Phật, cho là Phật giáo hoàn toàn xuất thế, lia bụi trần dớt thế tục, so cùng đời không ăn khớp. Tôi là người Hán thế tục, đã không xuất gia, lại không tu đạo, sao nhất định phải học tập Phật pháp, ông chính không biết, Phật nói chân lý của xuất thế, nhưng cũng nói tục đế của thế gian. Như người tôi, đi đứng ngồi nằm, mang y xin cơm, hôn phối giá thú, cha từ con hiếu, giao tế kinh tài, vệ sinh bảo vệ sức khỏe, sĩ nông công thương, y dược xem tướng, bao la

vạn hữu, không chỗ nào không nói đến. Nhân đây xin khuyên người đời, phàm làm người, cần yếu học Phật, nó không những có thể khiến con người tràn đầy học vấn cùng đạo đức, bao gồm gợi ý tư tưởng nhân loại cùng khảo nghiệm, đều không phải nhất thiết người xuất gia, mà gồm tất cả những người mới vào cửa Phật.

Phải biết tục đế của pháp thế gian, là dùng ngũ giới thập thiện làm cơ sở của nhân thiên. Chân đế của pháp xuất thế gian, là dùng tứ đế, thập nhị nhân duyên cùng lục độ vạn hạnh làm bậc thang tu đạo thành Phật. Nếu dùng Phật pháp nhất thừa tối thượng để nói, là phiền não tức bồ đề, sanh tử tức niết bàn, không có hoặc để đoạn, không có đạo để chứng, thế pháp tức xuất thế pháp, xuất thế pháp tức thế pháp, lìa pháp thế gian không có Phật pháp, lìa Phật pháp không có thế gian pháp. Lục Tổ nói: [Phật pháp tại thế gian, không lìa thế gian để giác ngộ, lìa thế gian tìm bồ đề, thích hợp như tìm cầu sừng thỏ.]

Giả như người đời chân chánh ngộ đặng lý pháp vô sanh, [Tre xanh tận cùng là pháp thân, hoavàng xanh tươi đều là bát nhã] Cảnh giới đến đây, lại ở chỗ nào phân chia pháp thế gian và pháp xuất thế gian.?

8.- Vũ Trụ Vạn Hữu Từ Đâu Đến.-

Ngày nay khoa học tiến bộ mặc dù một ngày đi ngàn dặm, nhưng đối với vũ trụ và nhân sanh đã có những câu hỏi lâu đời để lại.

Căn cứ truyền thuyết cổ đại của Trung Quốc: vũ trụ trước khi chưa khai mở rộng lớn, thế giới hỗn độn một hình tròn, Họ Bàn Cổ là người đầu tiên xuất thế, đầu lớn như núi, tay cầm cái rìu, đem vũ trụ chẻ ra làm hai, phân thành trời đất.

Ngũ Vận Lịch Sử Niên Ký nói: [Nguyên khí Hồng Mông, manh nha bắt đầu nảy mầm, liền sanh ra trời đất, Họ Bàn Cổ chính là thủy tổ của trời đất vạn vật.]

Tục Điền có thuyết, con người do nguyên khí sanh, tức là tự sanh. Có thuyết, do cha mẹ sanh, tức là người khác sanh. Có thuyết nguyên khí mượn cha mẹ sanh, tức là cộng sanh. Có thuyết tự nhiên sanh, tức là không nhân tự sanh.

Đạo Gia nói, vô cực sanh thái cực, thái cực sanh lưỡng nghi, lưỡng nghi sanh

tứ tượng, tứ tượng sanh bát quái, bát quái sanh vạn vật. Lão Tử [Đạo Đức Kinh] nói: [Vô danh, là đầu tiên của trời đất; hữu danh là mẹ của vạn vật.]

Trang Tử nhận cho là, con người do khí sanh, con người chết hoàn trở lại nơi khí, thấy sanh như chuyển đi, thấy chết như trở về. Do đó vợ chết không thương tâm, lại còn vỗ bồn mà ca. [Thượng Thư] nói: [Hồn bay lên trời, Phách trở về nơi đất.] Nho Đạo Trung Quốc, đều cho không là nơi có thể sanh khí, dùng khí để tạo thành hình, là lý do sản sanh vũ trụ và nhân sanh.

Ân Độ có 96 phái ngoại đạo, nhận xét đối với vũ trụ và nhân loại, tất cả mỗi người một ý khiến khác nhau. Có vị chủ trương trong nhân có quả, trong nhân không quả; có vị chủ trương cũng có quả cũng không quả; hoặc không phải có quả, không phải không quả. Như sáu phái ngoại đạo hành trì, phái tự ăn than lửa, phái tự đi trên lửa, phái lỏa thể, phái nằm trên gai, phái trì giới gà, phái trì giới bò vân vân, đều là độ chừng không phải nhân đương nhiên cho là nhân, độ chừng không phải quả đương nhiên cho là quả. Lại có ngoại đạo tùy tiện chủ trương mới sanh, sanh từ cái không, sanh từ gió, sanh từ vi trần, sanh từ ngũ đại, sanh từ Thần Ngã, sanh từ Tự Tại Thiên và sanh từ Đại Phạm Thiên, Bà La Môn sanh từ miệng [Phạm Thiên], Sát Đê Lợi sanh từ cánh tay, Tỳ Xá sanh từ sườn, Thủ Đà La sanh từ bàn chân; lại có chủ trương Tự Nhiên sanh vân vân, tất cả đều bất nhất.

Cổ Đại Ai Cập Thần Thoại nói: vũ trụ là một cái hộp hình vuông lớn, tất cả tinh cầu, tất cả sanh mạng đều ở trong hộp vuông, tự nhiên xuất hiện. Tông giáo tây phương có xung là Thượng Đế có quyền năng sáng tạo vũ trụ vạn hữu. Như Cựu Ước Sáng Thế Ký nói: [Thượng Đế dùng đất bụi trần trên địa cầu, tạo con người, đem sinh khí thổi vào trong lỗ mũi của nó, nó liền thành con người linh hoạt.] và [Thượng Đế tạo hai ánh sáng lớn (mặt trời mặt trăng), qua ống nét lớn ban ngày, ống nhỏ ban đêm. Lại tạo chúng tinh cầu.]

Dùng trí huệ quán sát của Phật đà, sanh mạng của vũ trụ và con người chúng ta, đều do tâm thức của chính mình sáng tạo thành hình, không phải riêng tâm thức nhân loại và thế giới sáng tạo, mà cả đến chúng sanh sáu đường và pháp giới bốn thánh, tất cả đều do tâm thức sáng tạo mà có. Nếu tâm tạo tác ngũ nghịch thập ác, ba đường ác lại theo đó mà xuất hiện. Nếu tâm trì ngũ giới thập thiện, ba đường thiện cũng lại theo đó mà xuất hiện như ảnh theo hình. Ba đường thiện và ba đường

ác, là thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ; nếu tu tứ đế, thập nhị nhân duyên, liền xuất hiện Phương Tiện Hữu Dur Độ; nếu tu từ bi hỷ xả, tứ vô lượng tâm, liền xuất hiện Thật Báo Trang Nghiêm Độ; nếu tu lục độ vạn hạnh, đạt đến ba giác ngộ (Ba giác ngộ là Đẳng Giác, Diệu Giác, Viên Mãn Giác Ngộ) viên mãn, liền xuất hiện Thường Tịch Quang Tĩnh Độ. Có học giả nước ngoài hỏi: [Tìm cầu chân lý, không phải khách du lịch chỗ xa, do tự mình đào lên từ dưới chân, chỗ đây chính có nguồn suối chân lý.] Dùng Phật pháp mà nói, tâm đây tức là nguồn suối của sanh mạng và vũ trụ.

Người tôi trọn ngày mang y khát thực, làm việc ngủ thức, chỗ tâm sử dụng, đều là tâm vạn năng. Tâm vạn năng như thế nào mà chúng sanh suốt ngày say rượu trong mộng tưởng, tìm vui trong khổ mộng, một điểm mộng mình không biết, nhân vì nó chưa tỉnh ngộ, do oan uổng tạo nghiệp, rồi oan uổng thọ khổ.

Tông Thiên Thai có nói: một tâm niệm đầy đủ ba ngàn các pháp, đây chính là từ Kinh Pháp Hoa, Mười Như Thị, Phẩm Phương Tiện nói đến. Mười Như Thị tức là, (1) Như Thị Tướng, là tướng dùng làm bằng chứng bên ngoài. (2) Như Thị Tánh, là tánh dùng làm bằng chứng bên trong. (3) Như Thị Thể, thể là dùng làm chủ bản chất. (4) Như Thị Lực, lực là dùng công năng. (5) Như Thị Tác, tác là dùng chuyên động. (6) Như Thị Nhân, nhân là dùng nội kết đời trước. (7) Như Thị Duyên, duyên là dùng trợ giúp phân tán. (8) Như Thị Quả, quả là dùng nội kết tạo thành. (9) Như Thị Báo, báo là chấp nhận báo thù. (10) Như Thị Bản Mạt, bản mạt là cứu cánh vân vân, dùng chín mục trên là như thị, là đều cứu cánh bình đẳng. Mười như thị đây đều không lìa khỏi tánh đầy đủ nguyên lý của nhất tâm tam quán: Không, Giả, Trung.

Ba ngàn các pháp đây, tức là một tâm niệm đầy đủ mười pháp giới, mười pháp giới trao đổi lẫn nhau liền thành một trăm pháp giới, mỗi giới có thể giới năm âm (Năm âm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức), thể giới chúng sanh, thể giới quốc độ, thành ba trăm thể giới, mỗi giới có mười như thị, thì thành ba ngàn thể giới, tâm có giới tuyền như thế, tức đầy đủ ba ngàn các pháp, không phải là nhất tâm tại tiền, tất cả pháp tại hậu, cũng không phải là tất cả pháp tại tiền, nhất tâm tại hậu. Đã không phải tâm có thể sanh ba ngàn, cũng không phải có thể bao hàm cả ba ngàn. Tức tâm là tất cả pháp, tức tất cả pháp là tâm. Tâm sanh thì tất cả pháp sanh, tâm diệt thì tất cả pháp diệt, hai tâm và pháp như thế, không thể mở bày phân chia.

Cho nên yếu nhân của Tông Thiên Thai sử dụng tâm bất tư nghi (Tâm không thể nghĩ bàn), quán sát cảnh bất tư nghi, quán một tâm niệm là không, thì ba ngàn các pháp đều không; quán một niệm là giả, thì ba ngàn các pháp đều giả; quán một niệm là trung đạo, thì ba ngàn các pháp đều trung đạo. Một tâm niệm tức là không, tức là giả, tức là trung đạo. Thì ba ngàn các pháp cũng tức là không, cũng tức là giả, cũng tức là trung đạo. Tâm pháp không phải một, không phải ba, ba và một bất khả tư nghi.

Từ phương diện [Giả] mà phân tích, một tâm niệm khởi lên liền có ba thứ giả. (1) Pháp trần đối với ý căn sanh khởi tất cả pháp, tức là nhân thành giả. (2) Niệm trước diệt niệm sau sanh, thứ lớp không gián đoạn, tức tương tục giả. (3) Dùng tâm tương đối không phải tâm, biết có tâm đây, tức là tương đối giả. Dùng thân thể chánh báo xem thấy có ba giả. (1) Đòi trước hành nghiệp, gá sanh nơi cha mẹ, tức là nhân thành giả. (2) Từ nơi thai tương tục, cuối cùng già yếu, tức là tương tục giả. (3) Dùng thân tương đối không phải thân, tức là tương đãi giả. Dùng thế giới y báo, xem thấy có ba giả. (1) Bốn vi trần thành cột trụ, tức là nhân thành giả. (2) Thời tiết cải biến, tức là tương tục giả. (3) Dùng cột trụ đối đãi không phải cột trụ, tức là tương đãi giả.

Thân tâm thế giới đã có ba giả, giả tức là không, không tức là giả, không giả không hai, là gọi trung đạo, Phật giáo thì dùng quán sát vũ trụ và sanh mạng đây tức là không, tức là giả, tức là trung đạo. Người quán sát như thế, thì gọi chánh quán, nếu người quán sát khác hơn, đó là tà quán.

Cổ Đức có nói: [Nếu người biết được tâm, đại địa không tất đất, ba cõi không pháp riêng biệt, chỉ là một tâm tác dụng.] Đây là Phật giáo giải thích sự hình thành của vũ trụ vạn hữu.

(Còn tiếp)

Ngày 28. 04. 2021

Thích Thắng Hoan

Chùa Phật Quang

Trung Tâm Phiên Dịch và Trước Tác